

TROOØNG NAI HOIC QUY NHON KHOA TOAÙN

Nhoùm thöïc hieän

1. Lê Nguyeän Minh Trung
2. Nguyeän Anh Tuaán
3. Nguyeän Thuyù Uyeän
4. Nguyeän Thò Thanh Vui
5. Traàn Ñöùc Võông
6. Nguyeän Thò Kim Xuyeán

NHAÄN DAÏNG TAM GIAÙC

Giaùo vieân höòung daãn: Döông Thanh Vyö

**Quy Nhon, tháng
11/2009**

LÖÖT NGÖT NAAU

daïng tam giaùc laø moät vaán ñeà khoâng môùi, chù... tìm
h... ùc saùch treân thò tröøøng vöùt nhieàu taùc giaùu khai... Nhöng

chuồng toái thaáy caùc taøi lieäu naøy trình baøy chõa chaët cheõ vaø khai quaùt, chõa ñi saâu vaøo phõng phaùp thieát laäp ñeà toaùn.

Vòuì baøi tieäü luaän naøy chuùng ta mong raèng seõ ñoùng goùp moät soá kieán thõuc ñeä giaùu baøi toaùn nhaän daïng tam giaùc vaø phõng phaùp ra ñeà cho daïng naøy.

Baøi tieäü luaän cuûa chuùng toái goàm:

Chõng 1: Nhaän daïng tam giaùc caân

Chõng 2: Nhaän daïng tam giaùc vuông

Chõng 3: Nhaän daïng tam giaùc ñeàu

Chõng 4: Nhaän daïng tam giaùc khai.

Trong moãi chõng chuùng toái ñeàu ñõa ra moät soá ví duï ñieän hình cho phõng phaùp giaùu, ñoàng thôøi coù môû roäng vaø nhaän xeùt, cuoái moãi chõng laø phõng phaùp ra ñeà cho daïng toaùn ñoù.

Chuùng toái xin ñõõc toû lôøi caùm ôn chaân thaønh ñeán thaày giaùo Dõng Thanh Vyõ cuøng moät soá baïn lôùp sö phaïm Toaùn K29 Trõõng Ñaïi hoïc Quy Nhõn.

Vì thôøi gian vaø khai naêng coù haïn neân baøi tieäü luaän naøy chaéc chaén coù nhieàu sai xeùt vaø haïn cheá. Chuùng toái raát mong ñõõc söï ñoùng goùp yù kieán xaây döïng vaø pheä bình cuûa ñoác giaùu.

Nhõm thõic hieän

Moät soá heä thөөc löөing trong tam giaùc:

1. $\sin A + \sin B + \sin C = 4 \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}$
2. $\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C = 4 \sin A \sin B \sin C$
3. $\operatorname{tg}^2 \frac{A}{2} + \operatorname{tg}^2 \frac{B}{2} + \operatorname{tg}^2 \frac{C}{2} - \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} - \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} - \operatorname{tg} \frac{C}{2} \operatorname{tg} \frac{A}{2} = 0$
4. $\cos A + \cos B + \cos C = 1 + 4 \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}$
5. $\tan A + \tan B + \tan C = \tan A \tan B \tan C$ ($\triangle ABC$ không là tam giác vuông)
6. $\cot an A \cdot \cot an B + \cot an B \cdot \cot an C + \cot an C \cdot \cot an A = 1$
7. $\tan \frac{A}{2} \cdot \tan \frac{B}{2} + \tan \frac{B}{2} \cdot \tan \frac{C}{2} + \tan \frac{C}{2} \cdot \tan \frac{A}{2} = 1$
8. $\operatorname{Co} \tan \frac{A}{2} + \operatorname{Co} \tan \frac{B}{2} + \operatorname{Co} \tan \frac{C}{2} = \operatorname{Co} \tan \frac{A}{2} \cdot \operatorname{Co} \tan \frac{B}{2} \cdot \operatorname{Co} \tan \frac{C}{2}$
9. $\operatorname{Co} \tan A = \frac{b^2 + c^2 - a^2}{4S}$ (Ñáúg thөөc haøm Côsin suy roäng)

Moät soá baát ñáúg thөөc löөing trong tam giaùc:

1. $\cos A + \cos B + \cos C \leq \frac{3}{2}$
2. $\sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} \leq \frac{1}{8}$
3. $\cos A \cdot \cos B \cdot \cos C \leq \frac{1}{8}$
4. $\sin^2 A + \sin^2 B + \sin^2 C \leq \frac{9}{4}$
5. $\sin A + \sin B + \sin C \leq \frac{3\sqrt{3}}{2}$
6. $\cos \frac{A}{2} + \cos \frac{B}{2} + \cos \frac{C}{2} \leq \frac{3\sqrt{3}}{2}$
7. $\sin \frac{A}{2} + \sin \frac{B}{2} + \sin \frac{C}{2} \leq \frac{3}{2}$
8. $\tan \frac{A}{2} + \tan \frac{B}{2} + \tan \frac{C}{2} \geq \sqrt{3}$
9. $\cot an A + \cot an B + \cot an C \geq \sqrt{3}$

Daáu baèng xaùy ra trong caùc baát ñáúg thөөc trên $\Leftrightarrow \triangle ABC$ ñeàu.
Vieäc chөөng minh caùc bñt naøy xin daønh cho baïn ñöïc.

CHÖÔNG 1: NHAÛN DAÏNG TAM GIAÙC CAÂN

- Caùc baøi toaùn thuoäc loaïi naøy coù caùc daïng nhö sau: cho tam giaùc $\triangle ABC$ thoaù maõn moät ñieän naøo ñoù, thoõng laø cho döùì daïng heä thoùc. Haõy chöùng minh $\triangle ABC$ cân.

- Phaûi löu yù tính ñoái xöùng cuûa baøi toaùn ñeõ ñònh höùng caùc pheùp bieán ñoái. Chaúng haïn cân taïi C thì taäp trung vaøo chöùng minh $A=B$.

- Caùc baøi toaùn veà nhaän daïng tam giaùc cân coù theå chia thaønh 2 loaïi chính nhö sau:

LOAÏI I: SÖÙ DƯỠNG CAÙC PHEÙP BIEÁN ÑOÁI ÑAÚNG THOÙC

Töø giaù thieát ñi ñeán keát luaän baèng caùch vaãn dưỡng caùc heä thoùc löôïng trong tam giaùc, caùc coâng thoùc bieán ñoái löôïng giaùc.

VD1:

Cho $\triangle ABC$ thoaù $\frac{\sin C}{\sin B} = 2 \cos A$ **(1)**

CM $\triangle ABC$ cân

$$(1) \Leftrightarrow \sin C = 2 \sin B \cos A$$

$$\Leftrightarrow \sin C = \sin(B+A) + \sin(B-A)$$

$$\Leftrightarrow \sin C = \sin C + \sin(B-A)$$

$$\Leftrightarrow \sin(B-A) = 0 \Leftrightarrow A=B \quad (\text{vì } |A-B| < \pi)$$

$$\Leftrightarrow \triangle ABC \text{ cân tại } C.$$

NX: Töø (1) neáu thay goùc C baèng goùc B thì ta ñöôïc 2 baøi toaùn:

$$\left[\begin{array}{l} \frac{\sin B}{\sin C} = 2 \cos A \\ \frac{\sin B}{\sin A} = 2 \cos C \end{array} \right. \quad \begin{array}{l} \text{ñeàu cho } \triangle ABC \text{ cân tại } \\ B \end{array}$$

Töông töï neáu thay goùc C baèng goùc A thì ta ñöôïc 2 baøi toaùn:

$$\left[\begin{array}{l} \frac{\sin A}{\sin B} = 2 \cos C \\ \frac{\sin A}{\sin C} = 2 \cos B \end{array} \right. \quad \begin{array}{l} \text{ñeàu cho } \triangle ABC \text{ cân tại } \\ A \end{array}$$

Nhö vaãy trong baøi toaùn CM $\triangle ABC$ cân, neáu ta hoaøn ñoái vò trí caùc goùc thì ta seõ thu ñöôïc $\triangle ABC$ cân tại caùc vò trí khaùc nhau.

VD2: Cho $\triangle ABC$ coù $\frac{1+\cos B}{\sin B} = \frac{2a+c}{\sqrt{4a^2-c^2}}$ **(1)**

CM $\triangle ABC$ cân

Ta thaáy trong (1) chöùa caù 2 yeáu toá goùc vaø caïnh. Ñoái vòùi baøi toaùn naøy ta coù theå CM $\triangle ABC$ cân theo 2 caùch

1. $A=B$

2. $a=b$

Tuýø vaøo bieåu thoùc cuûa baøi toaùn maø ta choïn bieán ñoái veà goùc hay veà caïnh sao cho thuaän lôïi hôn.

Caùch 1:

$$(1) \Leftrightarrow \frac{(1+\cos B)^2}{\sin^2 B} = \frac{(2a+c)^2}{4a^2-c^2} \Leftrightarrow \frac{(1+\cos B)^2}{1-\cos^2 B} = \frac{2a+c}{2a-c}$$

Aùp dưỡng ñònh lý haøm Sin ta ñöôïc:

$$\frac{1+\cos B}{1-\cos B} = \frac{2\sin A + \sin C}{2\sin A - \sin C}$$

$$\Leftrightarrow 2\sin A - \sin C + 2\sin A \cos B - \sin C \cos B = 2\sin A + \sin C - 2\sin A \cos B - \sin C \cos B$$

$$\begin{aligned}
&\Leftrightarrow 4 \sin A \cos B = 2 \sin C \\
&\Leftrightarrow 2[\sin(A+B) + \sin(A-B)] = 2 \sin C \\
&\Leftrightarrow 2[\sin C + \sin(A-B)] = 2 \sin C \\
&\Leftrightarrow \sin(A-B) = 0 \Leftrightarrow A = B \\
&\Leftrightarrow \Delta ABC \text{ cân tại } C
\end{aligned}$$

Câu 2:

$$(1) \Leftrightarrow \frac{2 \cos^2 \frac{B}{2}}{2 \sin \frac{B}{2} \cos \frac{B}{2}} = \sqrt{\frac{(2a+c)^2}{4a^2 - c^2}}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{\tan \frac{B}{2}} = \sqrt{\frac{2a+c}{2a-c}}$$

$$\begin{aligned}
&\Leftrightarrow \tan^2 \frac{B}{2} = \frac{2a-c}{2a+c} \Leftrightarrow \frac{(p-c)(p-a)}{p(p-b)} = \frac{2a-c}{2a+c} \\
&\Leftrightarrow \frac{b^2 - (c-a)^2}{(c+a)^2 - b^2} = \frac{2a-c}{2a+c} \Leftrightarrow \frac{b^2 - (c-a)^2}{(c+a)^2 - b^2} + 1 = \frac{2a-c}{2a+c} + 1 \\
&\Leftrightarrow \frac{4ac}{(c+a)^2 - b^2} = \frac{4a}{2a+c} \Leftrightarrow c(2a+c) = (c+a)^2 - b^2 \\
&\Leftrightarrow 2ac + c^2 = c^2 + a^2 + 2ca - b^2 \Leftrightarrow b^2 = a^2
\end{aligned}$$

$$\Leftrightarrow a = b \Leftrightarrow \Delta ABC \text{ cân tại } C$$

Chứng minh: Ta có $r_b = \frac{S}{p-b} = p \tan \frac{B}{2}$

$$\Leftrightarrow \tan \frac{B}{2} = \frac{S}{p(p-b)} = \frac{\sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}}{p(p-b)} = \sqrt{\frac{(p-a)(p-c)}{p(p-b)}}$$

VD3: Cho ΔABC thỏa $\sin \frac{A}{2} \cos^3 \frac{B}{2} = \sin \frac{B}{2} \cos^3 \frac{A}{2}$ (1)

CM ΔABC cân.

$$(1) \Leftrightarrow \frac{\sin \frac{A}{2}}{\cos^3 \frac{A}{2}} = \frac{\sin \frac{B}{2}}{\cos^3 \frac{B}{2}} \Leftrightarrow \tan \frac{A}{2} (1 + \tan^2 \frac{A}{2}) = \tan \frac{B}{2} (1 + \tan^2 \frac{B}{2}) \quad (*)$$

$$\Leftrightarrow \left(\tan \frac{A}{2} - \tan \frac{B}{2} \right) + \tan^3 \frac{A}{2} - \tan^3 \frac{B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \left(\tan \frac{A}{2} - \tan \frac{B}{2} \right) \left(1 + \tan^2 \frac{A}{2} + \tan \frac{A}{2} \tan \frac{B}{2} + \tan^2 \frac{B}{2} \right) = 0$$

$$\forall 0 < \frac{A}{2}, \frac{B}{2} < \frac{\pi}{2} \Rightarrow \tan \frac{A}{2}, \tan \frac{B}{2} > 0$$

$$\text{Nên } \tan \frac{A}{2} - \tan \frac{B}{2} = 0 \Leftrightarrow \frac{A}{2} = \frac{B}{2}$$

$$\Leftrightarrow A = B \Leftrightarrow \Delta ABC \text{ cân tại } C$$

NX: Tõø (1) ta có thể biến đổi như sau

$$\sin \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} (1 - \sin^2 \frac{B}{2}) = \sin \frac{B}{2} \cos \frac{A}{2} (1 - \sin^2 \frac{A}{2})$$

Tiếp tục chuyển về và về mặt tổng quát ta có:

$$\sin \frac{A-B}{2} = 0$$

Câu khác:

Töö (*) ta xeüt $f(x) = x(1 + x^2), x > 0$

$$f'(x) = 1 + 3x^2 > 0, \forall x > 0$$

$\Rightarrow f$ laø haøm taêng treân $(0, +\infty)$

$$\text{Vĩ vaãy: (*)} \Leftrightarrow f\left(\operatorname{tg} \frac{A}{2}\right) = f\left(\operatorname{tg} \frac{B}{2}\right)$$

$$\Leftrightarrow \operatorname{tg} \frac{A}{2} = \operatorname{tg} \frac{B}{2}$$

Chuù yù: Trong baøi toaùn CM tam giaùc caân ta thồøng gaëp 2 veá cuûa bieâu thồùc ñoái xöùng. Trong trồøng hôïp naøy ta coù theå söû duïng phồøng phaùp haøm soá:

Tính chaát: Neáu haøm f taêng (hoaëc giaùm) trong khoaùng (a, b)

$$\text{Thì: } f(u) = f(v) \Leftrightarrow u = v, \forall u, v \in (a, b)$$

$$\textbf{VD4: Cho } \triangle ABC \textbf{ thoûa: } \sin(B + C) + \sin(C + A) - \cos(A + B) = \frac{-3}{2} \quad (1)$$

Tam giaùc ABC laø tam giaùc gì ?

$$(1) \Leftrightarrow \sin A + \sin B + \cos C = \frac{-3}{2}$$

$$\Leftrightarrow 2 \sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \cos C = \frac{-3}{2}$$

$$\Leftrightarrow 2 \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \left(2 \cos^2 \frac{C}{2} - 1\right) = \frac{-3}{2}$$

$$\Leftrightarrow 2 \cos^2 \frac{C}{2} - 2 \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \frac{1}{2} = 0 \quad (*)$$

$$\Leftrightarrow \cos^2 \frac{C}{2} - \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \frac{1}{4} \cos^2 \frac{A-B}{2} + \frac{1}{4} \sin^2 \frac{A-B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \left(\cos \frac{C}{2} - \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2}\right)^2 + \frac{1}{4} \sin^2 \frac{A-B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \\ \sin \frac{A-B}{2} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \\ A = B \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} C = 120^\circ \\ A = B = 30^\circ \end{cases}$$

NX: Ta coù theå duøng tính chaát tam thồùc baäc hai ñeõ nhaän daïng ña giaùc naøy. Thaät vaãy:

$$\text{Ñaët } t = \cos \frac{C}{2} \in (0, 1)$$

$$(*) \Leftrightarrow 2t^2 - 2 \cos \frac{A-B}{2} t + \frac{1}{2} = 0 \text{ luôïn coù nghieãm.}$$

$$\Delta' = \cos^2 \frac{A-B}{2} - 1 = -\sin^2 \frac{A-B}{2} \leq 0$$

$$\text{Neân: } \Delta' = 0 \Leftrightarrow \sin \frac{A-B}{2} = 0 \Leftrightarrow A = B$$

$$\text{Khi ñoù: } t = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} = \frac{1}{2} \Leftrightarrow \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2}$$

$$\Leftrightarrow C = 120^\circ$$

VD5: Cho $\triangle ABC$ **thoûa maõn heã thồùc**

$$a \operatorname{tg} B + b \operatorname{tg} A = (a + b) \operatorname{tg} \frac{A+B}{2} \textbf{ vaø } C \neq 90^\circ (1)$$

CM $\triangle ABC$ **laø tam giaùc caân.**

$$\begin{aligned} &\Leftrightarrow a(\operatorname{tg} B - \operatorname{tg} \frac{A+B}{2}) = b(\operatorname{tg} \frac{A+B}{2} - \operatorname{tg} A) \\ &\Leftrightarrow 2R \sin A \frac{\sin \frac{B-A}{2}}{\cos B \cdot \cos \frac{A+B}{2}} = 2R \sin B \cdot \frac{\sin \frac{B-A}{2}}{\cos \frac{A+B}{2} \cos A} \\ (1) \quad &\Leftrightarrow \sin \frac{B-A}{2} (\sin A \cos A - \sin B \cos B) = 0 \\ &\Leftrightarrow \sin \frac{B-A}{2} (\sin 2A - \sin 2B) = 0 \end{aligned}$$

Có 2 khả năng sau:

1) Nếu $\sin \frac{B-A}{2} = 0 \Rightarrow B = A$

2) Nếu $\sin 2A - \sin 2B = 0 \Rightarrow \sin 2A = \sin 2B$ (2)

Do $C \neq 90^\circ \Rightarrow A+B \neq 90^\circ \Rightarrow 2A+2B \neq 180^\circ$ và hiển nhiên

$0 < 2A+2B < 360^\circ$, nên từ (2) suy ra $2A = 2B$ hay $A = B$

Vậy trong cả hai trường hợp ta đều có $\triangle ABC$ cân tại C

NX: Giả sử thiết $C \neq 90^\circ$ là cần thiết vì nếu không có nó thì từ (2) có thể thêm khả năng $2A+2B=180^\circ \Leftrightarrow C=90^\circ$, từ đó tam giác nào cho có thể không cân mà chỉ vuông tại C. Nếu cách khác, nếu chỉ thỏa mãn điều kiện $a \operatorname{tg} B + b \operatorname{tg} A = (a+b) \operatorname{tg} \frac{A+B}{2}$ thì $\triangle ABC$ hoặc là cân tại C, hoặc là vuông tại C. Đó hiển nhiên $\triangle ABC$ có thể là tam giác vuông cân tại C.

LOẠI II: SƠ DƯNG BẤT ĐẲNG THỨC

- Khả năng vôi tam giác nào có thể vô số hệ thức “nội” thông sơ dụng BNT để chứng minh, những hệ thức nội của tam giác cân rất ít.

- Cho $\triangle ABC$ có các cạnh và các góc thỏa mãn một hệ thức:

$$F(A, B, C, a, b, c) = 0$$

CM $\triangle ABC$ cân tại C bằng BNT như sau:

- Dựng BNT chứng minh $F(A, B, C, a, b, c) \geq 0$
- Dấu bằng xảy ra khi và chỉ khi $a=b$ (hoặc $A=B$)
- Vậy $F(A, B, C, a, b, c) = 0 \Leftrightarrow a=b \Leftrightarrow \triangle ABC$ cân tại C

VD1: Cho a, b, c , là ba cạnh của một tam giác

Biết rằng $4p - a - b = \sqrt{c^2 + bc + ac + ab}$ (1)

CM tam giác trên là tam giác cân

$$(1) \Leftrightarrow 4 \frac{a+b+c}{2} - a - b = 2\sqrt{(c+a)(c+b)}$$

$$\Leftrightarrow 2c + a + b = 2\sqrt{(c+a)(c+b)}$$

$$\Leftrightarrow (c+a) + (c+b) = 2\sqrt{(c+a)(c+b)} \quad (2)$$

Áp dụng BNT Cauchy cho 2 số $\sqrt{c+a}$ và $\sqrt{c+b}$ ta có

$$(c+a) + (c+b) \geq 2\sqrt{(c+a)(c+b)} \quad (3)$$

Dấu “=” xảy ra $\Leftrightarrow c+a = c+b \Rightarrow a=b$

Nên (2) xảy ra thì trong (3) xảy ra dấu đẳng thức.

Từ đó là $a=b$ hay tam giác nào cho là tam giác cân.

NX: Từ (2) ta hoàn toàn có thể giải theo cách thông thường bằng cách lấy bình phương 2 vế, ta được:

$$[(a+c) - (c+b)]^2 = 0 \Leftrightarrow c+a = c+b$$

* Caùch ra ñeà cho baøi toaùn nhaän daïng tam giaùc baèng BÑT Cauchy:

$$\text{Töø} \quad \begin{cases} a=b \\ A=B \end{cases}$$

Ta bieán ñoài 2 veá ñeà ñöôic moät ñaúng thòuc töông ñöông

Ñaët $VT=\alpha$, $VP=\beta$. Àuùp duïng BÑT Cauchy cho 2 soá α, β

Taïi vò trí daáu "=" xaùy ra ta ñöôic baøi toaùn chöùng minh $\triangle ABC$ caân taïi C
Töø baøi toaùn ñoù ta coù theå tieáp tuïc bieán ñoài ñeà ñöôic 1 baøi toaùn phöùc taïp hôn döïa vaøo caùc pheùp bieán ñoài töông ñöông hay bieán ñoài löôïng giaùc.

VD2: Cho $\triangle ABC$ thoaû maõn heä thòuc:

$$h_a = \sqrt{p(p-a)} \quad (1)$$

CM $\triangle ABC$ laø tam giaùc caân

$$\text{Ta coù: } h_a = \frac{2s}{a} = \frac{2\sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}}{a}$$

Do ñoù:

$$(1) \Leftrightarrow \frac{2\sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}}{a} = \sqrt{p(p-a)}$$

$$\Leftrightarrow 2\sqrt{(p-b)(p-c)} = a \quad (2)$$

Àuùp duïng BÑT Cauchy cho 2 soá: $p-b, p-c$

$$\Leftrightarrow 2\sqrt{(p-b)(p-c)} \leq (p-b) + (p-c)$$

$$\Leftrightarrow 2\sqrt{(p-b)(p-c)} \leq a \quad (3)$$

Daáu "=" xaùy ra $\Leftrightarrow p-b = p-c \Leftrightarrow b=c$

Vaây töø (2) suy ra trong (3) xaùy ra daáu ñaúng thòuc, töùc laø ta coù $b=c \Leftrightarrow \triangle ABC$ caân taïi A.

NX: Neáu khoâng àuùp duïng BÑT thì töø (2) $\Leftrightarrow 4(p-b)(p-c)=a^2$

$$\Leftrightarrow 4\left(\frac{a+c-b}{2}\right)\left(\frac{a+b-c}{2}\right) = a^2 \Leftrightarrow a^2(c-b)^2 = a^2$$

$$\Leftrightarrow (c-b)^2 = 0 \Leftrightarrow c=b$$

VD3: Cho $\triangle ABC$ thoaû maõn heä thòuc:

$$4(\sin B + 2 \sin C) + 3(\cos B + 2 \cos C) = 15 \quad (1)$$

CM $\triangle ABC$ caân.

$$(1) \Leftrightarrow (4 \sin B + 3 \cos B) + (8 \sin C + 6 \cos C) = 15$$

Àuùp duïng BÑT Bunhiacopxki, ta coù:

$$4 \sin B + 3 \cos B \leq \sqrt{(4^2 + 3^2)(\sin^2 B + \cos^2 B)} = 5$$

$$8 \sin C + 6 \cos C \leq \sqrt{(8^2 + 6^2)(\sin^2 C + \cos^2 C)} = 10$$

Do ñoù: $(4 \sin B + 3 \cos B) + (8 \sin C + 6 \cos C) \leq 15$

Daáu "=" xaùy ra $\Leftrightarrow \begin{cases} 4 \sin B + 3 \cos B = 5 \\ 8 \sin C + 6 \cos C = 10 \end{cases}$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \frac{4}{8} = \frac{3}{6} = \frac{\cos B}{\sin B} \\ \frac{4}{8} = \frac{3}{6} = \frac{\cos C}{\sin C} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{\sin B}{\cos B} = \frac{4}{3} \\ \frac{\sin C}{\cos C} = \frac{4}{3} \end{cases} \Leftrightarrow \text{tg} B = \text{tg} C = \frac{4}{3}$$

$$\Rightarrow B = C$$

NX: caùch ra ñeà cho baøi toaùn nhaän daïng tam giaùc caân baèng BÑT

Bunhiacopxki töông töï vd 3:

Töø $\triangle ABC$ caân taïi A $\Rightarrow B=C$. Laáy tg hoaëc cotg 2 veá

$$\text{Gs } \text{tg} B = \text{tg} C \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{\sin B}{\cos B} = \frac{\sin C}{\cos C} = \frac{a}{b}, \text{ vòuì } b \neq 0 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \frac{a}{\sin B} = \frac{b}{\cos B} \\ \frac{a}{\sin C} = \frac{b}{\cos C} \end{cases} \quad (a,b) \text{ có thể thay bằng } (A,B) \text{ sao cho } \frac{a}{b} = \frac{A}{B}$$

Aùp dùng BNT Bunhiacopxki cho các số $a, b, \sin B, \cos B$
và $A, B, \sin C, \cos C$

Cũng 2 BNT lại với nhau, tại vì có dấu "=" xảy ra ta mới có bài toán.

VD4: Cho $\triangle ABC$ thỏa mãn điều kiện.

$$\sqrt{\sin A} + \sqrt{\sin B} = 2\sqrt{\cos \frac{C}{2}}$$

CM $\triangle ABC$ cân

Aùp dùng BNT Bunhiacopxki ta có:

$$(\sqrt{\sin A} + \sqrt{\sin B})^2 \stackrel{(1)}{\leq} 2(\sin A + \cos A) = 4\sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2}$$

$$\Leftrightarrow (\sqrt{\sin A} + \sqrt{\sin B})^2 \leq 4\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2}$$

Vì $\cos \frac{A-B}{2} \leq 1, \cos \frac{C}{2} > 0$ nên

$$4\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} \stackrel{(2)}{\leq} 4\cos \frac{C}{2}. \text{ Vậy } \sqrt{\sin A} + \sqrt{\sin B} \leq 2\sqrt{\cos \frac{C}{2}}$$

$$\text{Dấu "=" xảy ra} \Leftrightarrow \begin{cases} \sin A = \sin B \\ \cos \frac{A-B}{2} = 1 \end{cases} \Leftrightarrow A = B$$

$\Leftrightarrow \triangle ABC$ cân tại C

NX: Bài này áp dụng BNT Bunhiacopxki sẽ nên giá trị còn lại biến đổi ngược lại.

Cách ra nhà tổng tối: tổng 2 góc bằng nhau, biến đổi ngược lại mới có 1

nguyên tắc tổng đồng. Nếu VT =



, VP = β

Aùp dùng BNT Bunhiacopxki cho 4 số a, α, b, β với a, b là các hệ số tùy ý thuộc α và β . Tại vì có dấu "=" xảy ra ta mới có bài toán.

VD5: CM điều kiện cần và đủ để $\triangle ABC$ cân là.

$$\cos \frac{A}{2} + \cos \frac{B}{2} = 2\cos 15^\circ, \text{ biết } C = 120^\circ$$

Xét $f(x) = \cos x$ trên $(0, \frac{\pi}{2})$, ta có:

$$f'(x) = -\sin x, f''(x) = -\cos x < 0, \forall x \in (0, \pi/2)$$

Theo BNT Jensen ta có:

$$f\left(\frac{\frac{A}{2} + \frac{B}{2}}{2}\right) \geq \frac{f\left(\frac{A}{2}\right) + f\left(\frac{B}{2}\right)}{2}$$

$$\Leftrightarrow \cos \frac{\frac{A}{2} + \frac{B}{2}}{2} \leq 2\cos 15^\circ$$

$$\text{Dấu "=" xảy ra} \Leftrightarrow \frac{A}{2} = \frac{B}{2} \Leftrightarrow A = B = 30^\circ$$

$\Leftrightarrow \triangle ABC$ cân.

NX: Cách ra nhà:

Tổng 2 góc bằng nhau, biến đổi để biến đổi 1 biến đổi tổng biến đổi.

Đặt VT =



, VP = β .

Áp dụng BNT Jensen cho 2 số



, β .

$$\left[\begin{aligned} f\left(\frac{\alpha+\beta}{2}\right) &\leq \frac{f(\alpha)+f(\beta)}{2} & (1) \\ f\left(\frac{\alpha+\beta}{2}\right) &\geq \frac{f(\alpha)+f(\beta)}{2} & (2) \end{aligned} \right.$$

- Với (1) ta chọn hàm $f(x)$ sao cho có hàm lồi cấp 2: $f''(x) > 0, \forall x \in D$
- Với (2) ta chọn hàm $f(x)$ sao cho có hàm lõm cấp 2: $f''(x) < 0, \forall x \in D$

Sau đó thay hàm f vào (1) hoặc (2) tổng ứng

Tại vị trí dấu "=" xảy ra ta biến đổi bài toán.

VD6: Cho tam giác ABC có $I_b = I_c$. CMR ΔABC cân.

Áp dụng công thức tính độ dài phân giác trong, ta có:

$$I_b = I_c \Leftrightarrow \frac{2ac \cos \frac{B}{2}}{a+c} = \frac{2ab \cos \frac{C}{2}}{a+b}$$

$$\Leftrightarrow \frac{a+c}{ac} \cdot \frac{1}{\cos \frac{B}{2}} = \frac{a+b}{ab} \cdot \frac{1}{\cos \frac{C}{2}}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{\cos \frac{B}{2}} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{c} \right) = \frac{1}{\cos \frac{C}{2}} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \right) \quad | \quad (1)$$

Giả sử $b \neq c$, khi đó ta có

thì cho $b > c$. Tổng đó suy ra: _____

$$B > C \Rightarrow 90^\circ > \frac{B}{2} > \frac{C}{2} > 0 \Rightarrow 0 < \cos \frac{B}{2} < \cos \frac{C}{2}$$

$$\frac{1}{\cos \frac{B}{2}} > \frac{1}{\cos \frac{C}{2}} \quad | \quad (2)$$

$$\text{Do } b > c \Rightarrow \frac{1}{a} + \frac{1}{c} > \frac{1}{a} + \frac{1}{b} \quad | \quad (3)$$

Tổng (2) và (3) suy ra:

$$\frac{1}{\cos \frac{B}{2}} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{c} \right) > \frac{1}{\cos \frac{C}{2}} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \right) \quad \text{; mâu thuẫn với (1)}$$

Vậy $b=c \Rightarrow \Delta ABC$ cân tại A.

Chú ý: Tổng $I_b = I_c$ ta đổi để $b=c$

Ta chứng minh bằng phương pháp phản chứng

Döia vaøo BÑT quan heä giöõa caùc goùc vaø caïnh.

$$a \leq b \leq c \Leftrightarrow A \leq B \leq C$$

$\Leftrightarrow$

$$\begin{cases} \sin A \leq \sin B \leq \sin C \\ \operatorname{tg} A \leq \operatorname{tg} B \leq \operatorname{tg} C \end{cases}$$

$\Leftrightarrow$

$$\begin{cases} \cos A \geq \cos B \geq \cos C \\ \operatorname{cot} A \geq \operatorname{cot} B \geq \operatorname{cot} C \end{cases}$$

CHÖÔNG 2: NHAÛN DAÏNG TAM GIAÙC VUÔNG

So vôùi nhöõng loaïi tam giaùc khaùc tam giaùc vuông coù moät soá tính chaát ñaéc bieät nhö toång bình phöông cuûa 2 caïnh goùc vuông baèng bình phöông caïnh huyeàn. Soá ño cuûa goùc vuông baèng soá ño cuûa hai goùc coøn laïi. Töø xa xöa Pitago ñaõ phaùt hieän moät daáu hieäu ñeõ nhaän daïng tam giaùc vuông laø ñònh lyù Pitago. Trong phaàn naøy chuùng toài xin cung caáp moät soá daáu hieäu ñeõ nhaän bieát tam giaùc vuông.

Ñeõ nhaän daïng tam giaùc vuông ta thöôøng ñöa veà moät soá daáu hieäu sau ñaây:

$$1. \sin A = 1 \quad 2. \cos A = 0 \quad 3. \sin 2A = 0$$

$$4. \cos 2A = -1 \quad 5. \tan \frac{A}{2} = 1 \quad 6. \tan A = \cotan B$$

$$7. \sin A = \sin(B-C) \quad 8. a^2 = b^2 + c^2$$

LOAÏI I: SÖU DUÏNG PHÖÔNG PHAÙP BIEÁN ÑOÀI TÖÔNG ÑÖÔNG

Ví dụi: *Chöùng minh raèng trong ΔABC thoaû maõn: $\sin^2 2A + \sin^2 2B + \sin^2 2C = 2$ (1) thì ΔABC vuông.*

$$\text{Ta coù: } \sin^2 A + \sin^2 B + \sin^2 C = 2 + 2\cos A \cdot \cos B \cdot \cos C$$

$$\text{Töø (1) suy ra } \cos A \cdot \cos B \cdot \cos C = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} \cos A = 0 \\ \cos B = 0 \Leftrightarrow \Delta ABC \text{ vuông} \\ \cos C = 0 \end{cases}$$

Nhaän xeùt: Neáu $\sin^2 A + \sin^2 B + \sin^2 C = m$,

Vôùi $m = 2$ thì ΔABC vuông,

$m < 2$ thì ΔABC tuø,

$m > 2$ thì ΔABC nhoïn.

Thaät vaäy vôùi $m < 2$. Töø (1) suy ra $\cos A \cdot \cos B \cdot \cos C < 0 \Rightarrow$ toàen taïi moät soá trong 3 soá $\cos A, \cos B, \cos C$ beù hôn 0. Suy ra, moät goùc phaûi lòun hôn 90° hay ΔABC tuø

Vôùi $m > 2 \Rightarrow \cos A \cdot \cos B \cdot \cos C > 0$. Suy ra trong 3 soá $\cos A, \cos B, \cos C$ phaûi coù moät soá döông hoaëc 3 soá ñeàu döông

$$\text{Giaû söû } \begin{cases} \cos A \geq 0 \\ \cos B \leq 0 \\ \cos C \leq 0 \end{cases} \Rightarrow 90^\circ < B < 180^\circ$$

$$\begin{cases} \cos C < 0 \\ 90^\circ < C < 180^\circ \end{cases} \Rightarrow B + C > 180^\circ \text{ voâ lyù}$$

Do ñoù $\cos A, \cos B, \cos C$ ñeàu dö

Ví dụi 2: *Cho tam giaùc ABC thoaû maõn heä thöùc*

**$r_c = r + r_a + r_b$ (2) vôùi r_a laø baùn kính ñöông troøn baøng tieáp.
Chòùng minh raèng ΔABC vuông.**

$$\text{Ta coù } S = pr \Rightarrow r = \frac{S}{p}$$

$$S = (p-a) r_a \Rightarrow r_a = \frac{S}{p-a}$$

$$\text{Khi ñoù (2) töông ñöông vôùi } \frac{S}{p-a} = \frac{S}{p} + \frac{S}{p-b} + \frac{S}{p-c}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{p-a} - \frac{1}{p} = \frac{1}{p-b} + \frac{1}{p-c}$$

$$\Leftrightarrow \frac{p(p-a)}{p(p-a)} = \frac{p-c+p-b}{(p-b)(p-c)} \Leftrightarrow \frac{a}{p(p-a)} = \frac{a}{(p-b)(p-c)}$$

$$\Leftrightarrow (a+b+c)(b+c-a) = (a+c-b)(a+b-c)$$

$$\Leftrightarrow (b+c)^2 - a^2 = a^2 - (b-c)^2 \Leftrightarrow (b+c)^2 \Leftrightarrow (b-c)^2 = 2a^2 \Leftrightarrow a^2 = b^2 + c^2$$

$\Rightarrow \Delta ABC$ vuông.

Neáu aùp duøng heä thöùc cô baùn trong tam giaùc, ta coù

$$r_c = \text{ptg} \frac{C}{2}, r = (p-c) \text{tg} \frac{C}{2}, r_a = \text{ptg} \frac{A}{2}, r_b = \text{ptg} \frac{B}{2}$$

$$\text{Töø (2) ta ñöôïc } \text{ptg} \frac{C}{2} = (p-c) \text{tg} \frac{C}{2} + \text{ptg} \frac{A}{2} + \text{ptg} \frac{B}{2}$$

$$\Rightarrow \text{tg} \frac{C}{2} = \text{ptg} \frac{A}{2} + \text{tg} \frac{B}{2} \quad (2')$$

$$\text{Maët khíaùc } p = R(\sin A + \sin B + \sin C) = 4R \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}$$

$$\text{Töø (2) ta coù } 2R \sin C \cdot \text{tg} \frac{C}{2} = 4R \cdot \cos \frac{A}{2} \cdot \cos \frac{B}{2} \cdot \cos \frac{C}{2} \cdot \frac{\sin \frac{A+B}{2}}{\cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}}$$

$$\Rightarrow \sin^2 \frac{C}{2} = \cos^2 \frac{C}{2} \Rightarrow \text{tg}^2 \frac{C}{2} = 1$$

$$\text{Do } \text{tg} \frac{C}{2} > 0 \Rightarrow \text{tg} \frac{C}{2} = 1 \Rightarrow \frac{C}{2} = 45^\circ \rightarrow C = 90^\circ.$$

$\Rightarrow \Delta ABC$ vuông.

Chùu yù: Khi gaëp 1 baøi toaùn coù chöùa caùc yeáu toá khíaùc caïnh vaø goùc ta neân chuyeån veà baøi toaùn coù chöùa goùc hoaëc caïnh ñeã giaùi, khi ñoù coù nhieàu coâng cuï ñeã giaùi hôn.

LOẠI II: SÖU DƯỠNG BÁT NÁÚNG THỜC

Ví dụ 1:

Cho ΔABC coù A, B noãn vaø thoaû maõn heä thöùc $\sin^2 A + \sin^2 B = \sqrt{\sin C}$. (1)

Chòùng minh raèng ΔABC vuông.

$$\text{Vì } 0 < \sin C \leq 1 \Rightarrow \sqrt[3]{\sin C} \geq \sin^2 C.$$

$$\begin{aligned} \text{T\ddot{o}ø (1)} &\Rightarrow \sin^2 A + \sin^2 B \geq \sin^2 C \Leftrightarrow a^2 + b^2 \geq c^2 \\ &\Leftrightarrow a^2 + b^2 \geq a^2 + b^2 - 2ab \cos C \Rightarrow \cos C \geq 0 \\ &\Rightarrow C \leq 90^\circ. \end{aligned}$$

$$\text{Neáu } C = 90^\circ \Rightarrow A + B = 90^\circ$$

$$\Rightarrow \sin^2 A + \sin^2 B = \sin^2 A + \cos^2 A = 1.$$

Vaäy neáu ABC laø tam giaùc vuoâng taïi C thì thoã maõn heä thöùc ñaõ cho.

Neáu $C < 90^\circ$. T\ddot{o}ø giaù thieát ta coù

$$\frac{1 - \cos 2A}{2} + \frac{1 - \cos 2B}{2} = \sqrt{\sin C}$$

$$\Leftrightarrow 1 - \cos(A+B) \cdot \cos(A-B) = \sqrt{\sin C} \Leftrightarrow 1 + \cos C \cdot \cos(A-B) = \sqrt{\sin C} \quad (3).$$

Ta coù $\sin C < 1$. Maët khaùc do A, B, C nhöiñ neân $\cos C > 0$, $\cos(A-B) > 0$, vaäy t\ddot{o}ø (3) ta suy ra ñieàu voâ lyù. Do ñoù tröôøng hôïp $C < 90^\circ$ khoâng xaûy ra. Vaäy ABC laø tam giaùc vuoâng taïi C.

Nhaän xeùt:

* Neáu $C = 90^\circ$ ta khoâng thöù laïi maø keát luaän $\triangle ABC$ vuoâng laø khoâng chaët cheõ. Vì $\triangle ABC$ chöa chaéc thoã maõn (1).

* Neáu xeùt tröôøng hôïp $C < 90^\circ$ ta ñi ñeán keát luaän loaïi tröôøng hôïp naøy. T\ddot{o}ø ñaây ta phaûi coù $C = 90^\circ$, khoâng caàn thöù laïi.

* Ñieåm quan troïng cuûa baøi taäp naøy laø ôû choã vöùi $a \in \mathbb{R}$, $0 < a \leq 1$ thì ta coù $a^n > a^m$, $1 < n < m$, $n, m \in \mathbb{Q}$. T\ddot{o}ø ñaây baøi toaùn (1) coù theå môû roäng neáu $\sin^2 A + \sin^2 B = \sqrt[n]{\sin C}$, $\forall n \geq 1$ thì $\triangle ABC$ vuoâng.

Ví duï 2: Chöùng minh raèng neáu tam giaùc ABC thoã

$$\sin^4 A + 2\sin^4 B + 2\sin^4 C = 2\sin^2 A (\sin^2 B + \sin^2 C) \quad (1).$$

Chöùng minh $\triangle ABC$ vuoâng caân.

• Aùp duïng baát ñaúng thöùc coâsi cho 2 soá döông $\frac{1}{2}\sin^4 A$ vaø $2\sin^4 B$ ta coù:

$$\frac{1}{2}\sin^4 A + 2\sin^4 B \geq 2 \cdot \sqrt{\frac{1}{2}\sin^4 A \cdot 2\sin^4 B} = 2\sin^2 A \cdot \sin^2 B$$

$$\text{Töông töï } \frac{1}{2}\sin^4 A + 2\sin^4 C \geq 2\sin^2 A \cdot \sin^2 C$$

$$\Rightarrow \sin^4 A + 2\sin^4 B + 2\sin^4 C \geq 2\sin^2 A (\sin^2 B + \sin^2 C). \quad (2)$$

(1) ñuùng $\Leftrightarrow$ (2) xaûy ra daáu “=” khi vaø chæ khi

$$\begin{cases} \frac{1}{2}\sin^4 A = 2\sin^4 B \\ \frac{1}{2}\sin^4 A = 2\sin^4 C \end{cases} \quad (3) \Rightarrow \sin^4 B = \sin^4 C \Rightarrow \sin B = \sin C \Rightarrow B = C.$$

$$\text{T\ddot{o}ø (3)} \Rightarrow \begin{cases} \sin^4 A = 4\sin^4 B \\ \sin^4 A = 4\sin^4 C \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} \sin^2 A = 2\sin^2 B \\ \sin^2 A = 2\sin^2 C \end{cases} \Rightarrow \sin^2 A = \sin^2 B + \sin^2 C$$

Aùp duïng ñònh lyù haøm Sin ta ñöôïc

$$a^2 = b^2 + c^2 \Rightarrow \triangle ABC \text{ vuoâng caân.}$$

Nhaän xeùt:

Neáu ñeà baøi cho nhaän daïng tam giaùc ABC thoaû maõn ñieàu kieän (1) thì raát nhieàu baïn chæ giaûi ñeán $B = C$ vôùi keát luaän $\triangle ABC$ cân laø chõa ñuù, maø caàn phaûi xeùt ñeán caùc tính chaát khaùc cuûa tam giaùc ñeå keát luaän chính xaùc.

Baøi toaùn treân ta coù theå bieán ñoái nhö sau:

$$\sin^4 A + 2\sin^4 B + \sin^4 C = 2\sin^2 A (\sin^2 B + \sin^2 C)$$

$$\Leftrightarrow 2\sin^4 A + 4\sin^4 B + 4\sin^4 C = 4\sin^2 A \sin^2 B + 4\sin^2 A \sin^2 C$$

$$\Leftrightarrow (\sin^4 A - 4\sin^2 A \sin^2 B + 4\sin^4 B) + (\sin^4 A - 4\sin^2 A \sin^2 C + 4\sin^4 C) = 0$$

$$\Leftrightarrow (\sin^2 A - 2\sin^2 B)^2 + (\sin^2 A - 2\sin^2 C)^2 = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \sin^2 A = 2\sin^2 B \\ \sin^2 A = 2\sin^2 C \end{cases} \Rightarrow \sin^2 A = \sin^2 B = \sin^2 C \text{ vaø } \sin^2 B = \sin^2 C$$

$$\Rightarrow \begin{cases} a^2 = b^2 \\ b^2 = c^2 \end{cases} \Rightarrow \triangle ABC \text{ vuông cân.}$$

Sau ñây chuùng toái ñõa ra 1 soá baøi taäp ñeå caùc baïn reøn luyeän kyõ naêng giaûi toaùn.

Chuùng minh raèng $\triangle ABC$ laø tam giaùc vuông neáu thoaû moät trong caùc ñieàu kieän sau

Baøi 1: $\cos 2A + \cos 2B + \cos 2C = -1$.

Baøi 2: a) $\sin A + \sin B + \sin C = 1 + \cos A + \cos B + \cos C$

Höôùng daãn: Chuùng minh tam giaùc naøy vuông taïi 1 trong 3 goùc.

b) $\sin A + \sin B + \sin C = 1 - \cos A + \cos B + \cos C$.

Höôùng daãn: Chuùng minh vuông taïi C.

Baøi 3: $\frac{b}{\cos B} + \frac{c}{\cos C} = \frac{a}{\sin B - \sin C}$

Höôùng daãn: A ùp ñuïng ñònh lý haøm sin

Baøi 4: $r(\sin A + \sin B) = \sqrt{2} \cdot c \cdot \sin \frac{B}{2} \cos \frac{A-B}{2}$

Höôùng daãn: Ta söû ñuïng heä thöùc cô baùn

$$r = 4R \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} \text{ vaø } = 2R \sin C$$

Baøi 5: $r + r_a + r_b + r_c = a + b + c$

Aùp ñuïng coâng thöùc löôïng cô baùn $r = p \operatorname{tg} \frac{A}{2}$, $r_a = (p - a) \operatorname{tg} \frac{A}{2}$

$$p = 4R \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} \text{ vaø ñònh haøm sin.}$$

Hay coù theå aùp ñuïng coâng thöùc $S = r_c(p - c)$, $S = rp$.

Baøi 6: $3\cos B + 4\sin B + 6\sin C + 8\cos C = 15$ (6)

HD: Aùp ñuïng BÑT Schwartz cho caùc caëp (3,4), $(\cos B, \sin B)$ vaø (6,8), $(\sin C, \cos C)$.

Cauh khauc: Baøi 6 coù theã vaãn duøng pheùp bieán ñoãi töông ñöông vaø tính chaát bò chaén cuûa haøm $\sin x$, $\cos x$.

$$(6) \Leftrightarrow 5\left(\frac{4}{5}\sin B + \frac{3}{5}\cos B\right) + 10\left(\frac{3}{5}\sin C + \frac{4}{5}\cos C\right) = 15. \quad (6')$$

Ñaët $\frac{4}{5} = \cos \varphi, \frac{3}{5} = \sin \varphi, 0 \leq \varphi \leq 90^\circ$. Thì töø (6') ta suy ra

$$5\sin(B+\varphi) + 10\cos(C-\varphi) = 15$$

$$\Rightarrow \begin{cases} \sin(B+\varphi) = 1 \\ \cos(C-\varphi) = 1 \end{cases} \Rightarrow B+C=90^\circ \Rightarrow \Delta ABC \text{ vuông.}$$

Baøi 7: $\sin 3A + \sin 2B = 4\sin A \sin B$. (7)

HD: Duøng coâng thöïc bieán ñoãi töông thaønh tích cho veá traùi vaø tích thaønh töång, ruùt goïn ta ñöôïc $\cos(A-B) \cdot (\sin C - 1) = \cos C$

$$\Rightarrow \cos^2(A-B) \cdot (\sin^2 C - 1) = 1 - \sin^2 C.$$

$$\Rightarrow (1 - \sin C)[\cos^2(A-B)(1 - \sin C) - 1 - \sin C] = 0.$$

Ñaùnh giaù $\cos^2(A-B)(1 - \sin C) - 1 - \sin C < 0$ Töø ñoù suy ra $\sin C = 1$

$$\Rightarrow C = 90^\circ$$

Baøi 8: Cho ΔABC coù ñöôøng cao AH, p, p_1, p_2 laø nöûa chu vi cuûa $\Delta ABC, \Delta ABH, \Delta ACH$, bieát $p^2 = p_1^2 + p_2^2$ (1). Chöùng minh ΔABC vuông.

Göïi yù: Nhaän xeùt vò trí cuûa H vaø vaãn duøng tæ soá löôïng giaùc cuûa ΔABC ñeã ñöa baøi toaùn thaønh bieäu thöïc theo goïc.

Baøi 9: ΔABC coù ñaéc ñieåm gì neáu

$$\cos A (1 - \sin B) = \cos B.$$

Göïi yù: $1 - \sin B$ vaø $\cos B$ cuøng chöùa nhaân töù chung laø $\cos \frac{B}{2} - \sin \frac{B}{2}$.

Baøi 10: ΔABC coù ñaéc ñieåm gì neáu

$$2\sin 2A - \sin 2B = \sin C + \frac{1}{\sin C}.$$

HD: Duøng phöông phaùp ñaùnh giaù ñeã giaù.

*** Moät soá phöông phaùp thieát laäp baøi toaùn.**

1. Phöông phaùp bieán ñoãi töông ñöông töø tính chaát cuûa tam giaùc hoaëc töø nhöõng daáu hieäu ñaõ coù.

Giaù söù ΔABC vuông taïi $A \Rightarrow a^2 = b^2 + c^2$

$$\Rightarrow 2bc = \frac{1}{2} (b+c)^2 - a^2 \Leftrightarrow bc = \frac{1}{2} [(b+c)^2 - a^2] = \sqrt{2} \sqrt{p(p-a)}$$

$$S_{bc} = S \sqrt{2} \sqrt{p(p-a)} \Leftrightarrow \frac{2\sqrt{p(p-a)(p-b)(p-c)}}{a} = 2p\sqrt{2} \sqrt{\frac{(p-c)(p-a)}{ca}} \sqrt{\frac{(p-a)(p-b)}{ab}} \quad \text{Coù}$$

$$\Leftrightarrow h_a = 2p\sqrt{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}.$$

theã môû roäng moät soá daáu hieäu ñaõ coù nhö:

Töø baøi toaùn ΔABC thoûa $\sin^2 A + \sin^2 B = \sqrt{\sin C}$ thì ΔABC vuông.

Ta suy ra $\sin^2 A + \sin^2 B = \sqrt{\sin^2 C}$, $m \geq 1$ thì ΔABC vuông.

2. Dùng bất đẳng thức để vào tính chất bù của hàm $\sin x$, $\cos x$ hoặc những bất đẳng thức khác

Ví dụ 1: Ta có

$$m \cos B + n \sin B = \sqrt{m^2 + n^2} \left(\frac{m}{\sqrt{m^2 + n^2}} \cos B + \frac{n}{\sqrt{m^2 + n^2}} \sin B \right) \leq \sqrt{m^2 + n^2}$$

thỏa mãn $\cos B + n \sin B + k \sin C + k \cos C = (k+1) \sqrt{m^2 + n^2}$ thì ΔABC vuông tại A.

Ví dụ 2: Ta có $\sin^2 \frac{A+B}{2} + \frac{1}{2} > \sqrt{2 \sin \frac{A+B}{2}}$. Dấu “=” xảy ra khi và chỉ khi

$$\sin \frac{A+B}{2} = \frac{\sqrt{2}}{2}, \cos^2 \frac{C}{2} + \frac{1}{2} \geq \sqrt{2 \cos \frac{C}{2}}$$

Dấu “=” xảy ra khi và chỉ khi $\cos \frac{C}{2} = \frac{\sqrt{2}}{2}$.

Cộng vế theo vế 2 bất đẳng thức trên ta sẽ có

$$\sin^2 \frac{A+C}{2} + \sin^2 \frac{C}{2} + 1 = \sqrt{2 \sin \frac{A+B}{2}} + \sqrt{2 \cos \frac{C}{2}}$$

thì ΔABC vuông.

CHƯƠNG 3: NHẬN DẪNG TAM GIÁC NHẸ

Tam giác nhẹ là một tam giác nhẹ, nó là tam giác có 3 cạnh bằng nhau và ba góc bằng nhau. Bởi vậy nhận dạng tam giác nhẹ là một công việc quan trọng nhất và cũng là một công việc nhận dạng nhất trong chuyên mục “nhận dạng tam giác”.

Trong việc này, một số phương pháp hay sẽ giúp nhận dạng tam giác nhẹ một cách dễ dàng.

Loại I: Sử dụng phương pháp biến đổi tổng đồng

1/ Phương pháp sử dụng 9 bài toán nhận dạng tam giác nhẹ.

2/ Phương pháp sử dụng mệnh đề. $\{A_1 + A_2 + \dots + A_n = 0 \Leftrightarrow A_1 = A_2 = \dots = A_n = 0\}$

3/ Nhận dạng tam giác nhẹ một cách dễ dàng.

Loại II: Sử dụng bất đẳng thức.

Sau đây chúng tôi sẽ đưa ra một số phương pháp cụ thể.

LOẠI I: SƠ DƯNG PHÔNG PHÁP BIẾN NỐI TÔNG NÔNG

1/ Phông pháp sơ dưng 9 bài toán cô bán nhần dưng tam giáuc ñều.

* $\triangle ABC$ thoaû maõn caùc heä thoüc sau thì $\triangle ABC$ laø tam giáuc ñều.

a) $\cos A + \cos B + \cos C = \frac{3}{2}$

f) $\cotg A + \cotg B + \cotg C = \sqrt{3}$

b) $\sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} = \frac{1}{8}$

g) $\sin A + \sin B + \sin C = \frac{3\sqrt{3}}{2}$

c) $\cos A \cos B \cos C = \frac{1}{8}$

h) $\cos \frac{A}{2} + \cos \frac{B}{2} + \cos \frac{C}{2} = \frac{3\sqrt{3}}{2}$

d) $\sin^2 A + \sin^2 B + \sin^2 C = \frac{9}{4}$

i) $\sin \frac{A}{2} + \sin \frac{B}{2} + \sin \frac{C}{2} = \frac{3}{2}$

e) $\tg \frac{A}{2} + \tg \frac{B}{2} + \tg \frac{C}{2} = \sqrt{3}$

Chöùng minh:

Ôu ñây chuùng toái chæ chöùng minh vaøi heä thoüc, caùc hình thoüc coøn laii ñoác giáu töi chöùng minh

a) $\cos A + \cos B + \cos C = \frac{3}{2}$

$$\Leftrightarrow 2\cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - \cos(A+B) = \frac{3}{2}$$

$$\Leftrightarrow 2\cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - 2\cos^2(A+B) + 1 = \frac{3}{2}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{4} + \left(\cos \frac{A+B}{2} - \cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} \right) = 0$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{4} + \left(\cos \frac{A+B}{2} - \frac{1}{2} \cos \left(\frac{A-B}{2} \right) \right)^2 - \frac{1}{4} \cos^2 \frac{A-B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \left[\cos \frac{A+B}{2} - \frac{1}{2} \cos \left(\frac{A-B}{2} \right) \right]^2 + \frac{1}{4} \sin^2 \frac{A-B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \sin \frac{A-B}{2} = 0 \\ \cos \frac{A+B}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} A=B \\ \sin \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} A=B \\ \frac{C}{2} = \frac{\pi}{6} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} A=B \\ C = \frac{\pi}{3} \end{cases}$$

Vaây $\triangle ABC$ ñều.

b) $\sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} = \frac{1}{8}$

$$\Leftrightarrow 8 \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} = 1$$

$$\Leftrightarrow 4 \left(\cos \frac{A-B}{2} - \cos \frac{A+B}{2} \right) \cos \frac{A+B}{2} = 1$$

$$\Leftrightarrow 4 \cos^2 \frac{A+B}{2} - 4 \cos \frac{A-B}{2} \cos \frac{A+B}{2} + 1 = 0$$

$$\Leftrightarrow \left(2 \cos \frac{A+B}{2} - \cos \frac{A-B}{2} \right)^2 + \sin^2 \frac{A-B}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \sin \frac{A+B}{2} = 0 \\ \cos \frac{A+B}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} A+B = 2\pi \\ \sin \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} A=B \\ C = \pi/3 \end{cases}$$

Vậy $\triangle ABC$ đều.

e) $\mathbf{tg \frac{A}{2} + tg \frac{B}{2} + tg \frac{C}{2} = \sqrt{3}}$

$$\Leftrightarrow \left(tg \frac{A}{2} + tg \frac{B}{2} + tg \frac{C}{2} \right)^2 = 3$$

$$\Leftrightarrow tg^2 \frac{A}{2} + tg^2 \frac{B}{2} + tg^2 \frac{C}{2} + 2 \left(tg \frac{A}{2} tg \frac{B}{2} + tg \frac{B}{2} tg \frac{C}{2} + tg \frac{C}{2} tg \frac{A}{2} \right) = 3 \quad (*)$$

Maø $tg \frac{A}{2} tg \frac{B}{2} + tg \frac{B}{2} tg \frac{C}{2} + tg \frac{C}{2} tg \frac{A}{2} = 1$

Töø (*) suy ra $tg^2 \frac{A}{2} + tg^2 \frac{B}{2} + tg^2 \frac{C}{2} - tg \frac{A}{2} tg \frac{B}{2} - tg \frac{B}{2} tg \frac{C}{2} - tg \frac{C}{2} tg \frac{A}{2} = 0$

$$\Leftrightarrow \left(tg \frac{A}{2} - tg \frac{B}{2} \right)^2 + \left(tg \frac{B}{2} - tg \frac{C}{2} \right)^2 + \left(tg \frac{C}{2} - tg \frac{A}{2} \right)^2 = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} tg \frac{A}{2} - tg \frac{B}{2} = 0 \\ tg \frac{B}{2} - tg \frac{C}{2} = 0 \\ tg \frac{C}{2} - tg \frac{A}{2} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow A = B = C$$

Vậy $\triangle ABC$ đều.

f) $\mathbf{cotgA + cotgB + cotgC = \sqrt{3}}$.

Bằng cách àp dụng hệ thức cô baùn.

$cotgA cotgB + cotgB cotgC + cotgC cotgA = 1$ rồi biến đổi góc phần (e)

Ta có: $(cotgA - cotgB)^2 + (cotgB - cotgC)^2 + (cotgC - cotgA)^2 = 0$

$$\Rightarrow \begin{cases} cotgA - cotgB = 0 \\ cotgB - cotgC = 0 \\ cotgC - cotgA = 0 \end{cases} \Rightarrow A = B = C$$

Vậy $\triangle ABC$ đều.

Ví dụ 1: Giả sử $\triangle ABC$ thỏa mãn hệ thức: $2(a \cos A + b \cos B + c \cos C) = a + b + c$. Chứng minh $\triangle ABC$ đều.

Áp dụng định lý Sin ta có $a = 2R \sin A$, $b = 2R \sin B$, $c = 2R \sin C$ (với R là bán kính đường tròn ngoại tiếp $\triangle ABC$), hệ thức đã cho trở thành:

$$2 \sin A \cos A + 2 \sin B \cos B + 2 \sin C \cos C = \sin A + \sin B + \sin C$$

$$\Leftrightarrow \sin 2A + \sin 2B + \sin 2C = \sin A + \sin B + \sin C \quad (*)$$

$$\begin{aligned} \text{Tacoù } \sin 2A + \sin 2B + \sin 2C &= 2\sin(A+B)\cos(A-B) - 2\sin(A+B)\cos(A+B) \\ &= 2\sin(A+B)(\cos(A-B) - \cos(A+B)) = 4\sin A \sin B \sin C. \end{aligned}$$

$$\text{Tacoù } \sin A + \sin B + \sin C = 2\sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} + 2\cos \frac{C}{2} \cos \frac{A+B}{2}$$

$$= 2\cos \frac{C}{2} \left(\cos \frac{A-B}{2} + \cos \frac{A+B}{2} \right) = 4\cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}.$$

$$(*) \Leftrightarrow \sin A \sin B \sin C = \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}$$

$$\Leftrightarrow 8\sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2} = \cos \frac{A}{2} \cos \frac{B}{2} \cos \frac{C}{2}$$

$$\Leftrightarrow \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2} = \frac{1}{8}$$

(dăĩng baøi toaùn cô baűn.)

Vaűy $\triangle ABC$ ñeàu.

Ví dụi 2 : CMR neáu A, B, C laø ba goùc cuűa moăt tam giaűc thoaű maűn

$$\cos^3 \frac{A}{3} + \cos^3 \frac{B}{3} + \cos^3 \frac{C}{3} = \frac{3}{8} + \frac{3}{4} \left(\cos \frac{A}{3} + \cos \frac{B}{3} + \cos \frac{C}{3} \right) \text{ thì tam giaűc aáy ñeàu}$$

Heă thoűc ñăű cho tồűg oűng vồi

$$4\cos^3 \frac{A}{3} + 4\cos^3 \frac{B}{3} + 4\cos^3 \frac{C}{3} = \frac{3}{2} + 3 \left(\cos \frac{A}{3} + \cos \frac{B}{3} + \cos \frac{C}{3} \right)$$

$$\Leftrightarrow \left(4\cos^3 \frac{A}{3} - 3\cos \frac{A}{3} \right) + \left(4\cos^3 \frac{B}{3} - 3\cos \frac{B}{3} \right) + \left(4\cos^3 \frac{C}{3} - 3\cos \frac{C}{3} \right) = \frac{3}{2}$$

$$\Leftrightarrow \cos A + \cos B + \cos C = \frac{3}{2}.$$

(dăĩng baøi toaùn cô baűn)

Vaűy $\triangle ABC$ ñeàu.

Ví dụi3 : Cho $\triangle ABC$ ñeàu thoaű maűn haềng thoűc:

$$a^2 + b^2 + c^2 = 4\sqrt{3} S + (a-b)^2 + (b-c)^2 + (c-a)^2$$

Chồűng minh $\triangle ABC$ laø tam giaűc ñeàu.

Bieán ñoỏi giaű thieát ñăű cho veà dăĩng sau

$$2ab + 2ac + 2bc = a^2 + b^2 + c^2 + 4\sqrt{3} S \quad (1)$$

Aűp dűĩng ñồűnh lí haøm soá Coűsin suy roằĩng, ta coű $a^2 + b^2 + c^2 = (\cotg A + \cotg B + \cotg C)4S$

$$\text{Keát hồĩp coűng thoűc } ab = \frac{2S}{\sin C}, \quad bc = \frac{2S}{\sin A}, \quad ca = \frac{2S}{\sin B}$$

Khi ñoù
$$\Leftrightarrow \frac{1}{\sin C} + \frac{1}{\sin B} + \frac{1}{\sin A} = \cot gA + \cot gB + \cot gC + \sqrt{3}$$

$$\Leftrightarrow \left(\frac{1}{\sin A} - \cot gA \right) + \left(\frac{1}{\sin B} - \cot gB \right) + \left(\frac{1}{\sin C} - \cot gC \right) = \sqrt{3}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1 - \cos A}{\sin A} + \frac{1 - \cos B}{\sin B} + \frac{1 - \cos C}{\sin C} = \sqrt{3} \Leftrightarrow \operatorname{tg} \frac{A}{2} + \operatorname{tg} \frac{B}{2} + \operatorname{tg} \frac{C}{2} = \sqrt{3}. \quad (*)$$

(đăing baøi toaùn cô baùn)

Vaãy $\triangle ABC$ ñeàu.

Chuù yù: neáu $\triangle ABC$ thoaù maõn haèng thòuc $a^2 + b^2 + c^2 = 4\sqrt{3}S$ thì $\triangle ABC$ cuõng laø tam giaùc ñeàu.

Thaät vaãy (*) $\Leftrightarrow \cot gA + \cot gB + \cot gC = \sqrt{3}$ (đăing baøi toaùn cô baùn)

Vaãy $\triangle ABC$ ñeàu.

Nhaän xeùt: Qua moät soá ví duï treân, ta coù theã taïo ra moät soá baøi toaùn nhaän đăing tam giaùc ñeàu baèng phõng phaùp naøy nhõ sau: Ta coù theã xuaát phaùt töø caùc baøi toaùn cô baùn, keát hôïp vòuì caùc heã thòuc löõng trong tam giaùc, ñònh lí sin, cosin, bieán ñoãi vaø ñoã ra moät baøi toaùn môùi.

2) Phõng phaùp sôu đưng meänh ñeàu $\begin{cases} A_1 + A_2 + \dots + A_n = 0 \\ A_i \geq 0, i = 1, n \end{cases} \Leftrightarrow A_1 = A_2 = \dots = A_n = 0$

Ví duï1: Chõùng minh $\triangle ABC$ coù $h_a + h_b + h_c = 9r$ thì $\triangle ABC$ ñeàu

Ta coù $h_a + h_b + h_c = 9r \Leftrightarrow \frac{2S}{a} + \frac{2S}{b} + \frac{2S}{c} = 9r \Leftrightarrow 2S \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9r.$

$\Leftrightarrow 2pr \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9r \Leftrightarrow 2p \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9 \Leftrightarrow (a+b+c) \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9$

$\Leftrightarrow \left(\frac{a}{b} + \frac{b}{a} - 2 \right) + \left(\frac{b}{c} + \frac{c}{b} - 2 \right) + \left(\frac{c}{a} + \frac{a}{c} - 2 \right) = 0 \Leftrightarrow \frac{(a-b)^2}{ab} + \frac{(b-c)^2}{bc} + \frac{(c-a)^2}{ca} = 0$

$\Leftrightarrow a = b = c.$

Vaãy $\triangle ABC$ ñeàu.

Ví duï 2: CMR neáu trong $\triangle ABC$ ta coù $\frac{a \cos A + b \cos B + c \cos C}{a \sin B + b \sin C + c \sin A} = \frac{2p}{9r}$

(p : nõi chu vi, R laø baùn kính ñoõng troøn ngoaïi tieáp $\triangle ABC$) thì $\triangle ABC$ laø tam giaùc ñeàu.

Ta coù: (*) $\Leftrightarrow \frac{2R \sin A \cos A + 2R \sin B \cos B + 2R \sin C \cos C}{a \cdot \frac{b}{2R} + b \cdot \frac{c}{2R} + c \cdot \frac{a}{2R}} = \frac{2p}{9R}$

$\Leftrightarrow \frac{2R^2 (\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C)}{ab + bc + ca} = \frac{a + b + c}{9R} (**).$

Ta coù $\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C = 4 \sin A \sin B \sin C = 4 \cdot \frac{a}{2R} \cdot \frac{b}{2R} \cdot \frac{c}{2R} = \frac{abc}{2R^3}$

$$\begin{aligned}
(**) &\Leftrightarrow \frac{abc}{(ab+bc+ca)R} = \frac{a+b+c}{9R} \Leftrightarrow (ab+bc+ca)(a+b+c) = 9abc \\
&\Leftrightarrow a^2b + bc^2 + ab^2 + ac^2 + b^2c + a^2c = 6abc \\
&\Leftrightarrow b(a^2+c^2-2ac) + a(b^2+c^2-2bc) + c(a^2+b^2-2ab) = 0 \\
&\Leftrightarrow b(a-c)^2 + a(b-c)^2 + c(a-b)^2 \Leftrightarrow \{ \begin{matrix} \approx \\ \approx \\ \approx \\ \approx \end{matrix} \Leftrightarrow a=b=c.
\end{aligned}$$

Vậy ΔABC đều.

Ví dụ 3: CMR nếu trong ΔABC ta có $b+c = \frac{a}{2} + h_a\sqrt{3}$ thì ΔABC đều

Ta có $h_a = \frac{2S}{a} = \frac{2abc}{4aR} = \frac{bc}{2R}$.

Suy ra hệ thức nào cho tổng $b+c = \frac{a}{2} + \frac{\sqrt{3}bc}{2R}$ (*)

Theo định lý hàm sin, ta có

$$a = 2R\sin A, b = 2R\sin B, c = 2R\sin C$$

$$\begin{aligned}
(*) &\Leftrightarrow 2R\sin B + 2R\sin C = \frac{2R\sin A}{2} + \frac{4\sqrt{3}R^2\sin B\sin C}{2R} \\
&\Leftrightarrow 2R\sin B + 2R\sin C = \sin A + 2\sqrt{3}\sin B\sin C \\
&\Leftrightarrow 2R\sin B + 2R\sin C = \sin(B+C) + 2\sqrt{3}\sin B\sin C \\
&\Leftrightarrow 2R\sin B + 2R\sin C = \sin B\cos C + \sin C\cos B + 2\sqrt{3}\sin B\sin C \\
&\Leftrightarrow (2R\sin B - \sin B\cos C - \sqrt{3}\sin B\sin C) + (2\sin C - \sin C\cos B - \sqrt{3}\sin B\sin C) = 0 \\
&\Leftrightarrow 2\sin B \left[1 - \left(\frac{1}{2}\cos C + \frac{\sqrt{3}}{2}\sin C \right) \right] + 2\sin C \left[1 - \left(\frac{1}{2}\cos B + \frac{\sqrt{3}}{2}\sin B \right) \right] = 0 \\
&\Leftrightarrow 2\sin B \left[1 - \cos\left(\frac{\pi}{3} - C\right) \right] + 2\sin C \left[1 - \cos\left(\frac{\pi}{3} - B\right) \right] = 0 \\
&\Leftrightarrow \begin{cases} 1 - \cos\left(\frac{\pi}{3} - C\right) = 0 \\ 1 - \cos\left(\frac{\pi}{3} - B\right) = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} C = \frac{\pi}{3} \\ B = \frac{\pi}{3} \end{cases} \text{ Vậy } \Delta ABC \text{ đều}
\end{aligned}$$

Ví dụ 4: Cho ΔABC thỏa

$$\frac{a}{b+c} + \frac{b}{c+a} + \frac{c}{a+b} = \frac{3}{2} \quad (1) \text{ CMR } \Delta ABC \text{ đều}$$

Nhặt $\{ \begin{matrix} \approx \\ \approx \\ \approx \\ \approx \end{matrix} \Leftrightarrow \{ \begin{matrix} \approx \\ \approx \\ \approx \\ \approx \end{matrix}$

Khi đó (1) $\Leftrightarrow \frac{y+z-x}{2x} + \frac{z+x-y}{2y} + \frac{x+y-z}{2z} = \frac{3}{2}$

$$\begin{aligned}
&\Leftrightarrow \left(\frac{x}{y} + \frac{y}{x} - 2 \right) + \left(\frac{y}{z} + \frac{z}{y} - 2 \right) + \left(\frac{z}{x} + \frac{x}{z} - 2 \right) = 0 \\
&\Leftrightarrow \frac{(x-y)^2}{xy} + \frac{(y-z)^2}{yz} + \frac{(z-x)^2}{zx} = 0 \\
&\Leftrightarrow z = y = x \Leftrightarrow 2x = 2y = 2z \\
&\Leftrightarrow a = b = c
\end{aligned}$$

Vậy ΔABC đều.

LOẠI II: SƠ DƯNG BAÁT NHÁNG THỰC

- Thường nhiều khi cần chú ý bài toán (thường là các hệ thức, các bất đẳng thức) sơ dụng các phép biến đổi nào đó để giải quyết các bài toán bất đẳng thức này, có thể thấy rằng các bài toán bất đẳng thức này rất dễ dàng xảy ra.

- Thieát laäp moät heä phöông trình xaùc ñònh moái quan heä giöõa caùc goùc, caùc caïnh cuûa tam giaùc, qua ñoù nhaän daïng ñöôïc tam giaùc.

Ví duï 1: Cho ΔABC thoûa ñieàu kieän $\cos A \cos B \cos C = \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}$ (*)

Chöùng minh ΔABC ñeàu.

Töø giaû thieát suy ra ΔABC nhoïn ($\cos A > 0, \cos B > 0, \cos C > 0$)

Ta coù: $\cos A \cos B = \frac{1}{2} [\cos(A-B) + \cos(A+B)] \leq \frac{1}{2} [1 + \cos(A+B)]$

$$= \frac{1}{2} (1 - \cos C) = \sin^2 \frac{C}{2}$$

$$\text{Vaäy } 0 < \cos A \cos B \leq \sin^2 \frac{C}{2}$$

$$\text{Töông töï ta cuõng coù } 0 \leq \cos B \cos C \leq \sin^2 \frac{A}{2}; 0 \leq \cos C \cos A \leq \sin^2 \frac{B}{2}$$

$$\text{Suy ra } \cos A \cos B \cos C \leq \sin \frac{A}{2} \sin \frac{B}{2} \sin \frac{C}{2}$$

$$\cos B \cos C = \begin{cases} \cos A \cos B = \sin^2 \frac{C}{2} \\ \sin^2 \frac{A}{2} \\ \cos C \cos A = \sin^2 \frac{B}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \cos(A-B) = 1 \\ \cos(B-C) = 1 \\ \cos(C-A) = 1 \end{cases} \quad \text{Hay } A = B = C$$

Vaäy ΔABC ñeàu

Ví duï 2: Cho ΔABC thoûa ñk $\begin{cases} C \leq B \leq A \leq 90^\circ \\ \cos A + \cos B = \cos(A-B) \end{cases}$

Xaùc ñònh daïng cuûa ΔABC ?

Töø ñieàu kieän $C \leq B \leq A \leq 90^\circ$

$$\Rightarrow 0 < C \leq B \leq 90^\circ \Rightarrow \sin B \geq \sin C > 0, \cos A \geq 0, \cos B > 0$$

$$\text{Maët khoaùc } \sin 2A + \sin 2B = 2 \sin(A+B) \cos(A-B)$$

$$\Rightarrow \cos(A-B) = \frac{\sin 2A + \sin 2B}{2 \sin(A+B)} = \frac{2 \sin A \cos A + 2 \sin B \cos B}{2 \sin C}$$

$$= \frac{\sin A}{\sin C} \cos A + \frac{\sin B}{\sin C} \cos B \geq \cos A + \cos B.$$

Daáu “=” xaùy ra khi vaø chæ khi $\begin{cases} \cos A = 0 \\ \sin B = \sin C \end{cases}$ hoaëc $\sin A = \sin B = \sin C$

Vaäy ΔABC vuông cân taïi A hoaëc ñeàu.

❖ Hai ví duï treân söû duïng caùc bñt löôïng giaùc ñôn giaûn cuûa tam giaùc ñeä nhaän daïng tam giaùc ñeàu. Ngoaøi caùc bñt treân ta coøn coù theä söû duïng caùc bñt cô baûn trong ñaïi soá nhö bñt Cosi, bñt Bunhiacopxki, Jesen,.....ñeä nhaän daïng tam giaùc.

Nhaän daïng tam giaùc ñeàu baèng caùch söû duïng BñT Cosi

Ví dụ 3: CMR ΔABC nếu nếu $\frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos C} = \frac{1}{\sin \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{C}{2}}$

Xét ΔABC tự

Gia sử $A > \frac{\pi}{2} > B \geq C$ thì $C \leq \frac{\pi}{4}$

Vậy $\tan C \leq 1$ và $0 < \sin \frac{\pi}{2} < \sin C < \cos C$

$$\Rightarrow \frac{1}{\cos C} < \frac{1}{\sin \frac{C}{2}}; \quad \frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} = \left(2 \cos \frac{A+B}{2} \right) \left(\frac{\cos \frac{A-B}{2}}{\cos A \cos B} \right) < 0$$

Vậy $\frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos C} < \frac{1}{\cos C} < \frac{1}{\sin \frac{C}{2}} < \frac{1}{\sin \frac{A}{2}} < \frac{1}{\sin \frac{B}{2}} < \frac{1}{\sin \frac{C}{2}}$

Xét trường hợp ΔABC nhọn. Áp dụng bất Csi ta có

$$\begin{aligned} \frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} &\geq \frac{2}{\sqrt{\cos A \cos B}} \geq \frac{4}{\cos A + \cos B} = \frac{4}{2 \cos \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2}} \geq \\ &\geq \frac{4}{2 \cos \frac{A+B}{2}} = \frac{2}{\sin \frac{C}{2}}. \end{aligned}$$

Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi $A = B$

Tổng thì $\frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos C} \geq \frac{2}{\sin \frac{A}{2}}$ Đấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow B = C$

$\frac{1}{\cos C} + \frac{1}{\cos A} \geq \frac{2}{\sin \frac{B}{2}}$ Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi $A = C$

Suy ra $\frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos C} + \frac{1}{\cos A} \geq \frac{2}{\sin \frac{C}{2}} + \frac{2}{\sin \frac{B}{2}} + \frac{2}{\sin \frac{A}{2}}$.

hay $\frac{1}{\cos A} + \frac{1}{\cos B} + \frac{1}{\cos C} \geq \frac{1}{\sin \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{C}{2}}$.

Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi ΔABC đều.

Xét ví dụ 1: Phần 1,2. Ta có thể chứng minh bằng cách sử dụng bất đẳng thức Csi

Ta có $\frac{2S}{a} + \frac{2S}{b} + \frac{2S}{c} = 9r$

$$\Leftrightarrow 2S \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9r \Leftrightarrow 2pr \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9r$$

$$\Leftrightarrow (a+b+c) \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) = 9$$

Áp dụng bất đẳng thức Csi ta có

$$(a+b+c)\left(\frac{1}{a}+\frac{1}{b}+\frac{1}{c}\right) \geq 3\sqrt[3]{abc} \sqrt[3]{\frac{1}{abc}} = 9$$

Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi ΔABC đều.

Ví dụ 2: Cho ΔABC , thỏa
$$\left(3 - \frac{b+c}{a}\right)\left(3 - \frac{a+c}{b}\right)\left(3 - \frac{a+b}{c}\right) \leq 1 \quad (1)$$

CMR ΔABC đều khi dấu "=" xảy ra.

Ta có (1) $\Leftrightarrow (3a-b-c)(3b-a-c)(3c-a-b) \leq abc$.

Ta cần xét khi VT(1) ≥ 0 . Khi đó để chứng minh bất đẳng thức 3 thỏa mãn

lớn hơn hoặc bằng không.

Đặt $x = 3a-b-c \geq 0$

$y = 3b-a-c \geq 0$

$z = 3c-a-b \geq 0$

Khi đó $a = \frac{1}{4}(2x+y+z)$

$b = \frac{1}{4}(x+2y+z)$

$c = \frac{1}{4}(x+y+2z)$

(1) $\Leftrightarrow 64xyz \geq (2x+y+z)(x+2y+z)(x+y+2z) \quad (2)$

Theo bất đẳng thức Cosi ta có

$2x+y+z = x+x+y+z \geq 4\sqrt{x^2yz} \quad (3)$

$x+2y+z \geq 4\sqrt{xy^2z} \quad (4)$

$x+y+2z \geq 4\sqrt{xyz^2} \quad (5)$

Nhân từng vế (3),(4) và (5) $\Rightarrow$ (2) hiển nhiên $\Rightarrow$ đpcm

Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi đẳng thức (3),(4) và (5) đều

$x=y=z \Leftrightarrow a=b=c$ Vậy ΔABC đều.

Ví dụ 3: Cho ΔABC thỏa
$$\frac{a \cos A + b \cos B + c \cos C}{a \sin A + b \sin B + c \sin C} = \frac{a+b+c}{9R} \quad (1)$$

CMR ΔABC đều.

Theo định lý hàm số Sin ta có

$a \cos A + b \cos B + c \cos C = R (\sin 2A + \sin 2B + \sin 2C)$
 $= 4R \sin A \sin B \sin C. \quad (2)$

Theo bất đẳng thức Cosi, ta có

$a \cos A + b \cos B + c \cos C \geq 6R \sqrt{\sin^2 A \sin^2 B \sin^2 C} \quad (3)$

$a \sin A + b \sin B + c \sin C \geq 3 \sqrt[3]{abc \sin A \sin B \sin C}$

Do vậy từ (2) và (3) suy ra

$$\frac{a \cos A + b \cos B + c \cos C}{a \sin A + b \sin B + c \sin C} \leq \frac{2}{3} \sqrt[3]{\sin A \sin B \sin C} \quad (4)$$

Đấu "=" trong (4) xảy ra khi và chỉ khi dấu "=" trong (3) xảy ra.

Khi ño ù $a\sin A = b\sin B = c\sin C$

$$\Leftrightarrow \sin^2 A = \sin^2 B = \sin^2 C \Leftrightarrow \sin A = \sin B = \sin C$$

$$\Leftrightarrow A = B = C.$$

Laii theo baát ñaúng thòuc Coâsi ta coù

$$\frac{a+b+c}{9R} = \frac{2(\sin A + \sin B + \sin C)}{9} \geq \frac{2}{3} \sqrt{\sin A \sin B \sin C} \quad (5)$$

Daáu “=” trong (5) xaùy ra khi vaø chæ khi $A = B = C$.

$$\text{Töø (5) vaø (6) suy ra } \frac{a\cos A + b\cos B + c\cos C}{a\sin A + b\sin B + c\sin C} = \frac{a+b+c}{9R}$$

Söû düng baát ñaúng thòuc Bunhiacopxki nhaän daïng tam giaùc ñeàu

Ví duï 4: Cho $\triangle ABC$ thoaù $\text{tg}^6 \frac{A}{2} + \text{tg}^6 \frac{B}{2} + \text{tg}^6 \frac{C}{2} = \frac{1}{9}$

CMR $\triangle ABC$ ñeàu.

$$\text{Ta coù } \text{tg}^6 \frac{A}{2} + \text{tg}^6 \frac{B}{2} + \text{tg}^6 \frac{C}{2} \geq \text{tg}^3 \frac{A}{2} \text{tg}^3 \frac{B}{2} + \text{tg}^3 \frac{B}{2} \text{tg}^3 \frac{C}{2} + \text{tg}^3 \frac{C}{2} \text{tg}^3 \frac{A}{2}$$

$$\text{Daáu “=” trong (1) xaùy ra khi vaø chæ khi } \text{tg}^3 \frac{A}{2} = \text{tg}^3 \frac{B}{2} = \text{tg}^3 \frac{C}{2} \Leftrightarrow A = B = C.$$

$$\text{Ñaët } x = \text{tg} \frac{A}{2} \text{tg} \frac{B}{2}, y = \text{tg} \frac{B}{2} \text{tg} \frac{C}{2}, z = \text{tg} \frac{C}{2} \text{tg} \frac{A}{2} \text{ thì } x+y+z=1.$$

$$\text{Aùp düng baát ñaúng thòuc Bunhiacopxki ta coù } (x+y+z)(x^3+y^3+z^3) \geq (x^2+y^2+z^2)$$

$$\text{Daáu “=” trong (2) xaùy ra khi vaø chæ khi } x = y = z \Leftrightarrow A = B = C.$$

Ví duï 5: Cho $\triangle ABC$ thoaù $2(l_a + l_b + l_c) = \sqrt{3}(a + b + c)$

CMR $\triangle ABC$ ñeàu.

$$\text{Aùp düng công thòuc } l_a = \frac{2bc \cos \frac{A}{2}}{b+c} = \frac{2\sqrt{bc}}{b+c} \sqrt{p(p-a)}$$

$$\text{Aùp düng baát ñaúng thòuc Cosi suy ra } l_a \leq \sqrt{p(p-a)} \quad (1)$$

$$\text{Daáu “=” trong (1) xaùy ra } \Leftrightarrow b=c$$

$$\text{Töông töi ta coù } l_b \leq \sqrt{p(p-b)} \quad (2)$$

$$l_c \leq \sqrt{p(p-c)} \quad (3)$$

$$\text{Daáu “=” trong (2) xaùy ra } \Leftrightarrow a=c \text{ vaø trong (3) } \Leftrightarrow a=b$$

$$\text{Töø (1),(2) vaø (3) suy ra } l_a + l_b + l_c \leq \sqrt{p}(\sqrt{p-a} + \sqrt{p-b} + \sqrt{p-c}) \quad (4)$$

$$\text{Daáu “=” trong (4) xaùy ra } \Leftrightarrow \text{ñoàng thôøi coù daáu “=” trong (1),(2) vaø (3)}$$

Vaây $\triangle ABC$ ñeàu.

$$\text{Aùp düng baát ñaúng thòuc Bunhiacopxki vùi 2 daõy } \sqrt{p-a}, \sqrt{p-b}, \sqrt{p-c} \text{ vaø } 1, 1, 1, \text{ ta coù}$$

$$3(p-a+p-b+p-c) \geq (\sqrt{p-a} + \sqrt{p-b} + \sqrt{p-c})^2$$

$$\Leftrightarrow \sqrt{3p} \geq \sqrt{p-a} + \sqrt{p-b} + \sqrt{p-c}. (5)$$

$$\text{Daáu “=” trong (5) xaùy ra khi vaø chæ khi } p-a = p-b = p-c$$

Vaây $\triangle ABC$ ñeàu

$$\text{Töø (4) vaø (5) ta coù } 2(l_a + l_b + l_c) \leq \sqrt{3}(a+b+c)$$

Đấu “=” xảy ra khi và chỉ khi đẳng thức có dấu “=” trong (4) và (5) đều đúng.

* Ví dụ 1, phần I, 2 có thể sử dụng Bất đẳng thức Bunhiacopski

Ta có $h_a + h_b + h_c = 9r$

$$\Rightarrow \frac{2S}{a} + \frac{2S}{b} + \frac{2S}{c} = 9r$$

$$\Rightarrow (a+b+c)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}\right) = 9.$$

Dùng bất đẳng thức Bunhiacopski, ta có

$$9 = \left(\sqrt{a} \cdot \frac{1}{\sqrt{a}} + \sqrt{b} \cdot \frac{1}{\sqrt{b}} + \sqrt{c} \cdot \frac{1}{\sqrt{c}}\right)^2 \leq (a+b+c)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}\right)$$

$$\text{Đấu “=” xảy ra khi và chỉ khi } \left(\frac{1}{\sqrt{a}} = \frac{1}{\sqrt{b}} = \frac{1}{\sqrt{c}}\right)^2 \leq (a+b+c)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}\right)$$

$$\text{Đấu “=” xảy ra khi và chỉ khi } \frac{1}{\sqrt{a}} = \frac{1}{\sqrt{b}} = \frac{1}{\sqrt{c}} \Leftrightarrow a = b = c.$$

Ví dụ 6: Cho ΔABC thỏa $\lg^6 \frac{A}{2} + \lg^6 \frac{B}{2} + \lg^6 \frac{C}{2} = \frac{1}{9}$. CMR ΔABC đều.

$$\text{Ta có } \lg^6 \frac{A}{2} + \lg^6 \frac{B}{2} + \lg^6 \frac{C}{2} \geq \lg^3\left(\frac{A}{2}\right)\lg^3\left(\frac{B}{2}\right) + \lg^3\left(\frac{B}{2}\right)\lg^3\left(\frac{C}{2}\right) + \lg^3\left(\frac{C}{2}\right)\lg^3\left(\frac{A}{2}\right) \quad (1)$$

$$\text{Đấu “=” trong (1) xảy ra khi và chỉ khi } \lg^3 \frac{A}{2} = \lg^3 \frac{B}{2} = \lg^3 \frac{C}{2} \Leftrightarrow A=B=C.$$

$$\text{Nếu } x = \lg \frac{A}{2}, y = \lg \frac{B}{2}, z = \lg \frac{C}{2} \text{ thì } x+y+z=1.$$

Áp dụng bất đẳng thức Bunhiacopski với hai dãy $\sqrt{x}, \sqrt{y}, \sqrt{z}$ và $\sqrt{x^3}, \sqrt{y^3}, \sqrt{z^3}$

$$\text{Ta có } (x+y+z)(x^3+y^3+z^3) \geq (x^2+y^2+z^2) \quad (2)$$

$$\text{Đấu “=” trong (2) xảy ra khi và chỉ khi } x = y = z \Leftrightarrow A=B=C$$

$$\text{Từ (1) và (2) suy ra } \lg^6 \frac{A}{2} + \lg^6 \frac{B}{2} + \lg^6 \frac{C}{2} \geq \frac{1}{9}$$

Đấu “=” xảy ra khi và chỉ khi đẳng thức có dấu bằng trong (1) và (2).

Vậy ΔABC đều

Nhận dạng tam giác đều bằng cách sử dụng bất đẳng thức Jensen

Ví dụ 1: CMR ΔABC thỏa $\frac{1}{\sin^2 \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{C}{2}} = 12$ thì đều

$$\text{Xét hàm số } f(x) = \frac{1}{\sin^2 x}, \text{ với } 0 < x < \pi$$

$$\text{Ta có } f'(x) = -\frac{2\cos x}{\sin^3 x} \Rightarrow f''(x) = \frac{2\sin^2 x + 6\cos^2 x}{\sin^4 x} > 0$$

Vậy $f(x)$ là hàm lồi trên $(0, \pi)$.

$$\text{Khi ñoù } \frac{1}{3} \left(\frac{1}{\sin^2 \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{C}{2}} \right) \geq \frac{1}{\sin^2 \frac{\frac{A}{2} + \frac{B}{2} + \frac{C}{2}}{3}}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{\sin^2 \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin^2 \frac{C}{2}} \geq 12$$

Đấu bằng xảy ra khi và chỉ khi ΔABC đều.

❖ Hoạch toán tổng tối ta có thể cm ñược các bất ñúng ñều

$$1) \frac{1}{\sin \frac{A}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{B}{2}} + \frac{1}{\sin \frac{C}{2}} = 6$$

$$2) \frac{1}{\sin A} + \frac{1}{\sin B} + \frac{1}{\sin C} = 2\sqrt{3}$$

$$3) \frac{1}{\cos \frac{A}{2}} + \frac{1}{\cos \frac{B}{2}} + \frac{1}{\cos \frac{C}{2}} = 2\sqrt{3}$$

ñược thỏa mãn thì ΔABC đều

Ví dụ 2: Cho ΔABC ñhìn thỏa mãn

$$(tgA + tgB + tgC)(\cot gA + \cot gB + \cot gC) \geq$$

$$\geq (tg \frac{A}{2} + tg \frac{B}{2} + tg \frac{C}{2})(\cot g \frac{A}{2} + \cot g \frac{B}{2} + \cot g \frac{C}{2})$$

Chứng minh ΔABC đều.

Xét hàm số $f(x) = tgx$ và $g(x) = \cot g x$ với $0 < x < \frac{\pi}{2}$

$$\text{Ta có } f'(x) = \frac{\sin 2x}{\cos^4 x} \text{ và } g''(x) = \frac{\sin 2x}{\sin^4 x}$$

$$\Rightarrow f'(x) > 0 \text{ và } g''(x) > 0 \quad \forall x \in \left(0, \frac{\pi}{2}\right) \Rightarrow f(x) \text{ và } g(x) \text{ là hàm ñồng biến trên } \left(0, \frac{\pi}{2}\right). \text{ Theo}$$

tính chất bất ñúng Jensen, ta có $\frac{1}{2}(f(A) + f(B)) \geq f\left(\frac{A+B}{2}\right) \Leftrightarrow \frac{1}{2}(tgA + tgB) \geq tg \frac{A+B}{2}$

$$\Leftrightarrow tgA + tgB \geq 2 \cot g \frac{C}{2} \quad (1)$$

$$\text{Tổng tối, ta có: } tgB + tgC \geq 2 \cot g \frac{A}{2} \quad (2)$$

$$tgC + tgA \geq 2 \cot g \frac{B}{2} \quad (3)$$

$$\text{Cộng trở tổng vế (1), (2) và (3) suy ra } tgA + tgB + tgC \geq \cot g \frac{A}{2} + \cot g \frac{B}{2} + \cot g \frac{C}{2} \quad (4)$$

Đấu bằng xảy ra trong (4) khi và chỉ khi bất ñúng ñều có dấu "=" trong (1), (2) và (3) suy ra $A = B = C$.

$$\text{Tổng tối } g(x) = \cot g x \text{ là hàm ñồng biến khi } x \in \left(0, \frac{\pi}{2}\right)$$

$$\Leftrightarrow \cot A + \cot B + \cot C \geq \tan \frac{A}{2} + \tan \frac{B}{2} + \tan \frac{C}{2} \quad (5)$$

Đấu "=" trong (5) xảy ra khi và chỉ khi $A = B = C$

Nhân tổng vế của (4), (5). Suy ra đpcm. Đấu "=" xảy ra khi và chỉ khi đẳng thức của (4) (5) đúng trong ΔABC nên.

Nhận xét:

Tổng các bài toán nhận được trên ta có thể nêu ra những bài toán nhận được cho tam giác nên bằng cách tổng những bất đẳng thức nổi số có nhiều kiến (mà ta có thể nêu hình giải nổi kiến bằng đẳng thức ra) kết hợp với những yếu tố logic giải, các yếu tố góc cạnh trong tam giác nên để nên một đẳng thức về tam giác.

CHƯƠNG 4: NHẬN ĐĂNG TAM GIÁC KHAUC

Tiếp theo chúng tôi xin trình bày một số bài toán liên quan đến tam giác có những tính chất khác.

Ví dụ 1: Xét hình các góc của ΔABC nếu:

$$\sin A + \sin B - \cos C = \frac{3}{2} \quad (1)$$

Cách 1: (1) $\Leftrightarrow 2 \sin \frac{A+B}{2} \cos \frac{A-B}{2} - \cos C = \frac{3}{2}$

$$\Leftrightarrow \cos C - 2 \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \frac{3}{2} = 0$$

$$\Leftrightarrow 2 \cos^2 \frac{C}{2} - 2 \cos \frac{C}{2} \cos \frac{A-B}{2} + \frac{1}{2} = 0 \quad (1')$$

Đặt $t = \cos^2 \frac{C}{2} \quad t \in (0,1)$

$$(1') \Leftrightarrow 2t^2 - 2 \cos \frac{A-B}{2} t + \frac{1}{2} = 0$$

Đặt $f(t) = 2t^2 - 2t \cos \frac{A-B}{2} + \frac{1}{2}, \quad t \in (0,1)$

Ta có: $\Delta' = \cos^2 \frac{A-B}{2} - 1 \leq 0 \Rightarrow f(t) \geq 0, \forall t \in (0,1).$

$$f(t) = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} t = \frac{-b}{2a} \\ f\left(\frac{-b}{2a}\right) = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \\ \cos^2 \frac{A-B}{2} = 1 \end{cases}$$

$$\Rightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \\ \cos \frac{A-B}{2} = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{C}{2} = 60^\circ \\ \frac{A-B}{2} = 0 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} C = 120^\circ \\ A = B = 30^\circ \end{cases}$$

Cách 2: $\sin A + \sin B - \sin C = \frac{3}{2}$

$$\begin{aligned} &\Leftrightarrow 2\cos^2 \frac{C}{2} - 2\cos \frac{A-B}{2} \cos \frac{C}{2} + \frac{1}{2} = 0 \\ &\Leftrightarrow \left(\cos \frac{C}{2} - \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \right)^2 + \frac{1}{4} - \frac{1}{4} \cos^2 \frac{A-B}{2} = 0 \\ &\Rightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \\ 1 - \cos^2 \frac{A-B}{2} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{C}{2} = \frac{1}{2} \cos \frac{A-B}{2} \\ \sin^2 \frac{A-B}{2} = 1 \end{cases} \\ &\begin{cases} \frac{A-B}{2} = 0 \\ \frac{C}{2} = 60^\circ \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} C = 120^\circ \\ A = B = 30^\circ \end{cases} \end{aligned}$$

Ví dụ 2: $\cos 2A + \sqrt{3}(\cos 2B + \cos 2C) + \frac{5}{2} = 0 \quad (*)$

$$\operatorname{tg}^2 \frac{A}{2} + \operatorname{tg}^2 \frac{B}{2} + \operatorname{tg}^2 \frac{C}{2} - \operatorname{tg} \frac{A}{2} \operatorname{tg} \frac{B}{2} - \operatorname{tg} \frac{B}{2} \operatorname{tg} \frac{C}{2} - \operatorname{tg} \frac{C}{2} \operatorname{tg} \frac{A}{2} = 0$$

$$\Delta = 12(\cos^2(B-C) - 1) \leq 0$$

(*) xảy ra khi và chỉ khi $\begin{cases} \cos^2(B-C) = 1 \\ \cos A = \frac{\sqrt{3}}{2} \cos(B-C) \end{cases}$

Neáu $\cos(B-C) < 0$

$$\Rightarrow B > 90^\circ \text{ hoặc } C > 90^\circ$$

$$\cos A = \frac{\sqrt{3}}{2} \cos(B-C) < 0$$

$$\Rightarrow A > 90^\circ$$

Do ñoù $\cos(B-C) = 1$.

Suy ra $B = C$

$$\text{Và } \cos A = \frac{\sqrt{3}}{2} \Rightarrow A = 30^\circ \Rightarrow B = C = 75^\circ$$

Nhàñ xeùt: Töø caùch giaùu hai ví dui naøy ta thaáy vieäc nhàñ xeùt $|\cos \alpha| \leq 1$ laø cöïc kì quan troïng. Nhôø nhàñ xeùt naøy maø ta giaùu ñöôïc baøi toaùn.

Ví dụ 3: Cho $\triangle ABC$ thoáu $b(a^2 - b^2) = c(c^2 - a^2)$. Nhàñ ñaïng tam giaùc naøy.

$$\text{Ta coù } b(a^2 - b^2) = c(c^2 - a^2) \Leftrightarrow ba^2 - b^3 = c^3 - ca^2$$

$$\Leftrightarrow (b+c)a^2 = b^3 + c^3 \Leftrightarrow a^2(b+c) = (b+c)(b^2 - bc + c^2)$$

$$\Leftrightarrow a^2 = b^2 - bc + c^2$$

$$\Leftrightarrow b^2 + c^2 - 2bc \cos A = b^2 - bc + c^2 \Leftrightarrow \cos A = \frac{1}{2} \Leftrightarrow A = 60^\circ$$

Baøi naøy ta cuõng coù theå bieán ñoãi nhö sau:

$$b(a^2 - b^2) = c(c^2 - a^2) \Leftrightarrow b(b^2 + c^2 - 2bc \cos A - b^2) = c[c^2 - (b^2 + c^2 - 2bc \cos A)]$$

$$\Leftrightarrow b(c^2 - 2bc \cos A) = c(bc \cos A - b^2) \Leftrightarrow bc^2 + b^2c = (bc^2 + b^2c)(2 \cos A)$$

$$\Leftrightarrow \cos A = \frac{1}{2} \Rightarrow A = 60^\circ.$$

Nhàñ xeùt: Qua nhöõng ví dui treân ta thaáy vieäc giaùu moät baøi toaùn nhàñ ñaïng tam giaùc caàn chuù yù caùc ñieåm sau:

+ Caàn phaân bieät moät baøi toaùn nhàñ ñaïng vaø moät baøi toaùn chöùng minh. (Töøc laø phaùu tìm taát caù caùc tính chaát cuûa tam giaùc)

+ Khi giaùu baøi toaùn nhàñ ñaïng thöôøng hay duøng caùc pheùp bieán ñoãi töông ñöông veà ñaïng phöông trình tích hoaëc toång cuûa nhöõng soá haïng (khoâng aâm hoaëc khoâng döông) ñeå ñaùnh giaù.

Moät soá baøi taäp ñeà nghò:

Baøi 1: Tam giaùc ABC coù ñaùc ñieåm gì neáu:

$$\sin 6A + \sin 6B + \sin 6C = 0$$

HD: Dùng phép biến đổi tổng thành tích

Bài 2: Nhận dạng tam giác ABC nếu thỏa

$$\frac{\sin A + \sin B + \sin C}{\cos A + \cos B + \cos C} = \sqrt{3} \quad (2)$$

HD:

$$(2) \Rightarrow \left(\frac{\sqrt{3}}{2} \cos A - \frac{1}{2} \sin A \right) + \left(\frac{\sqrt{3}}{2} \cos B - \frac{1}{2} \sin B \right) + \left(\frac{\sqrt{3}}{2} \cos C - \frac{1}{2} \sin C \right) = 0$$

Sau đó chuyển về dạng:

$$\sin\left(\frac{C}{2} - \frac{\pi}{6}\right) \sin\left(\frac{B}{2} - \frac{\pi}{6}\right) \sin\left(\frac{A}{2} - \frac{\pi}{6}\right) = 0$$

$\Rightarrow \Delta ABC$ có ít nhất một góc bằng 60°

Trong trường hợp thay thế của (2) thay bằng $\sqrt{2}$ thì kết quả như thế nào?

Bài 3: Cho tam giác ABC có các cạnh thỏa:

$$a = x^2 + x + 1, \quad b = 2x + 1, \quad c = x^2 + 1, \quad x \in \mathbb{R}. \text{ Hãy nhận dạng tam giác ABC.}$$

HD: Xét nhiều khả năng của x để toàn tại tam giác

Bài 4: Nhận dạng tam giác ABC biết: $\sin 5A + \sin 5B + \sin 5C = 0$

HD: Ta biến đổi tổng thành tích như sau trên về dạng:

$$4 \cos \frac{5C}{2} \cdot \cos \frac{5A}{2} \cdot \cos \frac{5B}{2} = 0$$

Ta có thể khai thác qua: Nhận dạng tam giác ABC nếu thỏa

$$\sin(mA) + \sin(mB) + \sin(mC) = 0$$

$$\sin(mA) + \sin(mB) + \sin(mC) = 0$$

$$\Leftrightarrow -4 \cos \frac{mA}{2} \cdot \cos \frac{mB}{2} \cdot \cos \frac{mC}{2} = 0$$

$$\cos \frac{mA}{2} = 0 \Leftrightarrow \frac{mA}{2} = \frac{\pi}{2} + 2k\pi \Leftrightarrow A = \frac{\pi}{m} + \frac{k}{m} 2\pi; \quad -\frac{m-1}{2} < k < \frac{m-1}{2}; k \in \mathbb{Z}.$$

Bài 5: Cho tam giác ABC thỏa mãn nhiều khả năng:

$$\begin{cases} \sin 5A + \sin 5C = 0 \\ \cos^2 A + \cos^2 B + \cos^2 C = 1 \end{cases} \quad (1)$$

$$(2)$$

Chứng minh ΔABC có ít nhất 1 góc bằng 36° .

$$\text{HD: (1)} \Rightarrow \cos \frac{5A}{2} \cdot \cos \frac{5B}{2} \cdot \cos \frac{5C}{2} = 0$$

$$\text{Giả sử } \cos \frac{5A}{2} = 0 \Rightarrow A = 36^\circ \text{ hoặc } A = 108^\circ$$

$$\text{Từ (2)} \Rightarrow 1 - 2 \cos A \cdot \cos B \cdot \cos C > 1 \Rightarrow \cos A \cdot \cos B \cdot \cos C < 0$$

$$\cos A; \cos B; \cos C < 0 \text{ (Vô lý)}$$

$\left[\begin{array}{l} \cos A, \cos B, \cos C \text{ có ít nhất một phần tử } < 0 \text{ (khi đó sẽ toàn tại một phần tử } > 0) \end{array} \right.$

Nếu thỏa mãn (1) và (2) thì $A = 36^\circ$

KEÁT LUAÄN

Trong khuôn khổ ñeà taøi naøy chuùng ta ñaõ laøm ñöôïc:

1. Toång hôïp moät soá baøi toaùn lieân quan ñeán nhaän daïng tam giaùc.
2. Sau moãi laàn baøi toaùn, chuùng toâi ruùt ra nhöõng nhaän xeùt, nhöõng löu yù cuûa baøi toaùn vaø môû roäng baøi toaùn.
3. Sau moãi chöông chuùng toâi neâu ra nhöõng phöông phaùp ñeå thieát laäp baøi toaùn nhaän daïng tam giaùc ñeå caùc baïn tham khaùu.

Chuùng toâi hy voïng tieâu luaän naøy seõ laø taøi lieäu tham khaùu cho nhöõng ngöôøi daïy vaø hoïc môân löôïng giaùc noùi chung vaø nhaän daïng tam giaùc noùi rieâng. Raát mong nhaän ñöôïc söï goùp yù cuûa baïn ñöïc.

TAØI LIEÄU THAM KHAÙU

1. Ñaàu Theá Caáp (chuû bieân): Toaùn naâng cao löôïng giaùc, NXB Ñaïi hoïc Quoác Gia TP.HCM.
2. Nguyễn Ñöïc Ñoàng – Nguyễn Vaên Vónh: 23 phöông phaùp chuyeân ñeà baát ñaúng thöïc vaø toaùn coïc trò löôïng giaùc, NXB treù.

3. Võ Giang Giai: Chuyên đề về hệ thức lượng trong tam giác, NXB Trẻ hoặc Quốc Gia TP.HCM.

4. Phan Huy Khaûi – Nguyễn Nhữ Phong: Các phương pháp giải toán sơ cấp lượng giác, NXB Hà Nội – 2000.

5. Phan Huy Khaûi: 10000 bài toán sơ cấp bất đẳng thức kinh điển, NXB Hà Nội – 1998.

6. Tröông Quang Linh: 140 bài toán về hệ thức lượng trong tam giác.

7. 103 trigonometry problems.

8. Tập chỉ toán học và tuổi trẻ.

9. Các trang web:

- www.Thuvienbachkim.vn

- www.violet.vn

- www.math@.vn